

ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC XÃ HỘI VÀ NHÂN VĂN

TRẦN XUÂN HÙNG

CHUYỂN BIẾN KINH TẾ TỈNH VĨNH YÊN
TỪ NĂM 1890 ĐẾN NĂM 1945

Chuyên ngành: Lịch sử Việt Nam

Mã số: 9229010.05

TÓM TẮT LUẬN ÁN TIẾN SĨ LỊCH SỬ

Hà Nội - 2026

CÔNG TRÌNH ĐƯỢC HOÀN THÀNH TẠI:
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC XÃ HỘI VÀ NHÂN VĂN,
ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI

Người hướng dẫn khoa học: **1. GS.TS Nguyễn Văn Khánh**
 2. TS Trương Thị Bích Hạnh

Phản biện 1: (PGS.TS Đinh Quang Hải, Viện Sử học, Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam)

Phản biện 2: (PGS. TS Phan Ngọc Huyền, Trường Đại học Sư phạm Hà Nội)

Phản biện 3: (PGS.TS Phạm Đức Anh, Viện Việt Nam học và Khoa học Phát triển, Đại học Quốc gia Hà Nội)

Luận án sẽ được bảo vệ trước Hội đồng cấp Đại học Quốc gia Hà Nội chấm luận án tiến sĩ học

tại.....

vào hồi..... giờ..... ngày..... tháng..... năm 2026

Có thể tìm hiểu luận án tại:

- Thư viện Quốc gia Việt Nam
- Trung tâm Thông tin – Thư viện, Đại học Quốc gia Hà Nội

DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH KHOA HỌC CỦA TÁC GIẢ LIÊN QUAN ĐẾN LUẬN ÁN

1. Trần Xuân Hùng (2023) “Quá trình mở đường lên Tam Đảo (tỉnh Vĩnh Yên) đầu thế kỷ XX”, *Tạp chí Khoa học Xã hội Việt Nam*, Tập 2 (182), tr. 99-108.
2. Tran Xuan Hung (2023), “Tam Dao Resort (Vinh Yen Province) in the French Colonial Period”, *The First International Conference on The Issues of Social Sciences and Humanities*, pp. 703-727, Vietnam National University Press, Hanoi.
3. Trần Xuân Hùng (2024), “Một số nghề thủ công truyền thống tỉnh Vĩnh Yên thời Pháp thuộc”, *Tạp chí Dân tộc học*, Tập 2 (242), tr. 110-120.
4. Tran Xuan Hung (2024), “Trade of Agricultural Commodities of Vinh Yen Province during the 1930s”, *The Second International Conference on The Issues of Social Sciences and Humanities*, pp. 589-601, Vietnam National University Press, Hanoi.
5. Trần Xuân Hùng (2024), “Các hoạt động giao thương ở tỉnh Vĩnh Yên trong những năm 30 thế kỷ XX”, *Tạp chí Khoa học Xã hội và Nhân văn*, Tập 10 (3), tr. 228-244.
6. Tran Xuan Hung (2024), “Hill Stations in Việt Nam during the French Colonial Period: The Case Study of Tam Đảo”, *The Russian Journal of Vietnamese Studies*, Vol 8 (4), pp. 81-94.
7. Trần Xuân Hùng, Nguyễn Thuý Hiền (2025), “Dấu ấn văn hóa Pháp ở Vĩnh Yên đầu thế kỷ XX”, *Tạp chí Nghiên cứu Lịch sử*, Tập 7 (591), tr. 38-47.
8. Trần Xuân Hùng (2025), “Vài nét về quy hoạch và xây dựng các khu nghỉ dưỡng trên núi ở Việt Nam nửa đầu thế kỷ XX”, *Tạp chí Khoa học Xã hội và Nhân văn*, Tập 11 (5), tr. 638-652.

MỞ ĐẦU

1. Lý do chọn đề tài

Năm 1890, tỉnh Vĩnh Yên được thành lập với vai trò như một vệ tinh của trung tâm hành chính Hà Nội, tuy nhiên vì nhiều lý do khách quan và chủ quan, gần một năm sau đó, đơn vị hành này đã bị giải thể. Đến năm 1899, chính quyền Liên bang Đông Dương quyết định tái lập tỉnh Vĩnh Yên. Từ đây, họ bắt đầu thiết lập bộ máy cai trị, đầu tư mở rộng các ngành kinh tế, đặc biệt là kinh tế nông nghiệp.

Đầu thế kỷ XX, nhận được sự quan tâm đầu tư, khai thác của chính quyền thực dân Pháp ở Vĩnh Yên, các ngành kinh tế truyền thống của tỉnh có nhiều chuyển biến, các hoạt động kinh tế mới có nguồn gốc từ phương Tây ra đời. Nghiên cứu lịch sử nói chung, kinh tế Vĩnh Yên thời kỳ này nói riêng có ý nghĩa cả về lý luận và thực tiễn. Đây là cơ sở quan trọng góp phần làm rõ lịch sử của tỉnh Vĩnh Yên thời kỳ cận đại, trả lời thỏa đáng cho câu hỏi tại sao người Pháp lại dành sự quan tâm đầu tư, khai thác và phát triển kinh tế ở vùng đất này? Bên cạnh đó, nghiên cứu này cũng gợi mở câu trả lời cho câu hỏi sự thay đổi của kinh tế tỉnh Vĩnh Yên cách đây hơn một thế kỷ có mối liên hệ như thế nào tới sự phát triển của kinh tế tỉnh Vĩnh Phúc và sau này là tỉnh Phú Thọ. Chuyển biến kinh tế tỉnh Vĩnh Yên thời Pháp thuộc không đơn thuần là hệ quả một chiều của chính sách khai thác thuộc địa áp đặt từ phía chính quyền cai trị, mà nó còn là kết quả của một quá trình tương tác đa chiều và phức tạp giữa các yếu tố ngoại lực và nội lực.

Diện mạo kinh tế tỉnh Vĩnh Yên dưới tác động của công cuộc khai thác thuộc địa ở Việt Nam thời cận đại là một đề tài nghiên cứu hấp dẫn và phức tạp bởi đã có nhiều tài liệu trực tiếp và gián tiếp mô tả, trình bày về kinh tế tỉnh Vĩnh Yên thời kỳ Pháp thuộc, song nhìn chung “bức tranh” đó chưa đi sâu vào chi tiết và thiếu tính hệ thống. Không chỉ vậy, các tài liệu cũng chưa có sự so sánh, đối chiếu và lý giải cho những chuyển biến kinh tế nói chung, các hoạt động kinh tế mới nói riêng. Xuất phát từ các nguyên nhân trên, với quan niệm nghiên cứu lịch sử địa phương để hiểu lịch sử đất nước, tôi quyết định chọn vấn đề *Chuyển biến kinh tế tỉnh Vĩnh Yên từ năm 1890 đến năm 1945* làm đề tài cho luận án tiến sĩ.

2. Mục tiêu và nhiệm vụ nghiên cứu

2.1. Mục tiêu nghiên cứu

Luận án nghiên cứu để làm rõ thực trạng kinh tế tỉnh Vĩnh Yên cuối thế kỷ XIX và những chuyển biến kinh tế của tỉnh đầu thế kỷ XX dưới tác động của chính sách cai trị mà chính quyền thực dân thi hành tại Việt Nam. Đồng thời, đề tài cũng làm rõ sự biến đổi về diện mạo các ngành kinh tế truyền thống, sự ra đời của các hoạt động kinh tế mới. Trên cơ sở đó, tác giả nêu lên đặc điểm, xu thế và đánh giá tác động của những chuyển biến kinh tế tới tình hình văn hóa - xã hội tỉnh Vĩnh Yên từ cuối thế kỷ XIX đến năm 1945.

2.2. Nhiệm vụ nghiên cứu

Luận án tập trung vào giải quyết, làm rõ các nhiệm vụ sau:

Thứ nhất, những yếu tố, bối cảnh lịch sử tác động đến kinh tế tỉnh Vĩnh Yên cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX.

Thứ hai, chính sách đầu tư, khai thác thuộc địa của chính quyền Pháp ở xứ Bắc Kỳ cũng như tác động của nó tới tình hình kinh tế tỉnh Vĩnh Yên.

Thứ ba, những biến đổi kinh tế tỉnh Vĩnh Yên cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX dưới tác động của chính sách đầu tư khai thác thuộc địa của thực dân Pháp.

Thứ tư, nhận xét về sự biến đổi kinh tế và tác động đối với tình hình văn hóa, xã hội tỉnh Vĩnh Yên từ năm 1890 đến năm 1945.

3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

3.1. Đối tượng

Luận án xác định đối tượng nghiên cứu là sự vận động và chuyển biến của kinh tế tỉnh Vĩnh Yên từ khi thành lập tỉnh (1890) đến năm 1945. Trong đó, nghiên cứu làm rõ thực trạng và chuyển biến các ngành kinh tế truyền thống, cũng như sự ra đời và phát triển của các bộ phận kinh tế mới.

3.2. Phạm vi

Phạm vi nội dung: Luận án tập trung làm rõ thực trạng và chuyển biến kinh tế tỉnh Vĩnh Yên, bao gồm bộ phận kinh tế truyền thống (nông nghiệp, thủ công nghiệp, thương nghiệp) và sự ra đời, phát triển của bộ phận kinh tế mới như dịch vụ (du lịch, giao thông vận tải, thông tin liên lạc), tài chính ngân hàng. Đưa ra một số nhận xét về chuyển biến kinh tế, vai trò và tác động của sự chuyển biến này đối với tình hình văn hóa, xã hội Vĩnh Yên thời Pháp thuộc.

Phạm vi không gian: Luận án tập trung vào không gian hành chính tỉnh Vĩnh Yên từ khi thành lập năm 1890 đến năm 1945 bao gồm: Phủ Vĩnh Tường (sau này là huyện Vĩnh Tường), huyện Yên Lạc, huyện Bình Xuyên, huyện Tam Dương, huyện Lập Thạch.

Phạm vi thời gian: Luận án nghiên cứu chuyển biến kinh tế tỉnh Vĩnh Yên từ khi thành lập (năm 1890) tới Cách mạng tháng Tám năm 1945. Để đảm bảo tính hệ thống và logic cũng như có sự so sánh và bổ khuyết cho những khoảng trống tư liệu, luận án cũng dành một phần dung lượng để trình bày về thực trạng kinh tế của Vĩnh Yên trước khi thành lập tỉnh và một số số liệu về tình hình thời tiết của tỉnh giai đoạn sau thế kỷ XX.

4. Nguồn tài liệu và phương pháp nghiên cứu

4.1. Nguồn tài liệu

Nguồn tài liệu chính được sử dụng trong luận án là tài liệu sơ cấp (lưu trữ). Những tài liệu, báo cáo về tỉnh Vĩnh Yên nói chung và kinh tế tỉnh Vĩnh Yên nói riêng được lưu tập trung ở hai phòng lớn là Phủ Toàn quyền Đông Dương (GGI) và Phủ Thống sứ Bắc Kỳ (RST). Bên cạnh đó, một số lượng lớn tài liệu cũng được lưu trữ rải rác ở các phòng như: Phòng Sở Nông nghiệp Bắc Kỳ, Phòng Sở Địa chính Bắc Kỳ, Phòng Nha Nông lâm và thương mại Đông Dương v.v.. Ngoài ra, luận án cũng tham khảo các thông tin được ghi chép trong các tập *Annuaire statistique de l'Indochine* (Niên giám thống kê Đông Dương).

Luận án tiếp cận các nguồn tài liệu thứ cấp chủ yếu gồm: sách chuyên khảo; luận văn, luận án; hồi ký; lịch sử địa phương; bài viết trên các tạp chí khoa học.

Ngoài ra, luận án cũng tham khảo các nghiên cứu về tình hình kinh tế Đông Dương, Bắc Kỳ và Vĩnh Yên được công bố trên các tạp chí, tập san chuyên ngành, trong đó chủ yếu trên *Tạp san Kinh tế Đông Dương*, *Tạp chí Nghiên cứu Lịch sử*, *Tạp chí Khoa học Xã hội và Nhân văn*, v.v.. Để bổ sung cho các khoảng trống trong nghiên cứu và làm rõ hơn vấn đề nghiên cứu, luận án còn sử dụng nguồn tài liệu nghiên cứu từ thực địa, đó là kết quả của quá

trình khảo sát trên địa bàn tỉnh Vĩnh Yên ngày nay, phỏng vấn các chuyên gia, các nhân chứng lịch sử, nhà nghiên cứu về nội dung luận án đề cập tới.

4.2. Phương pháp nghiên cứu

Luận án được tiến hành dựa trên nền tảng của chủ nghĩa Mác - Lênin, kết hợp cách tiếp cận toàn diện, vận dụng hợp lý các phương pháp luận sử học Mác xít (phương pháp lịch sử, phương pháp logic) cùng với các phương pháp nghiên cứu chuyên ngành, liên ngành. Phương pháp lịch sử và phương pháp logic được luận án sử dụng chủ yếu. Ngoài ra, tác giả còn vận dụng linh hoạt các phương pháp nghiên cứu liên ngành như khu vực học, xã hội học, thống kê học, kinh tế học và dân tộc học. Tác giả còn thực hiện phương pháp phỏng vấn và điền dã thực địa.

5. Đóng góp của luận án

Về mặt lý luận, nghiên cứu chuyển biến kinh tế tỉnh Vĩnh Yên thời cận đại đóng góp trong việc nhận diện cấu trúc nền kinh tế Bắc Kỳ nói riêng, Việt Nam thời Pháp thuộc nói chung.

Về mặt tư liệu, luận án đã tiến hành khai thác, hệ thống hóa và phê phán một khối lượng tư liệu phong phú, đa dạng và có độ tin cậy cao.

Về mặt nội dung, luận án góp phần vào việc nghiên cứu và làm sáng rõ tình hình tỉnh Vĩnh Yên thời Pháp thuộc nói riêng, lịch sử tỉnh Phú Thọ nói chung.

Về mặt nhận thức, luận án đưa ra một số nhận xét về kết quả, hạn chế của chuyển biến kinh tế tỉnh Vĩnh Yên giai đoạn cuối thế kỷ XIX, đầu thế kỷ XX. Đồng thời, tác giả cũng đặt sự chuyển biến này trong đối sánh với tình hình kinh tế - xã hội tại các địa phương lân cận cũng như các quốc gia khác trong toàn bộ hệ thống thuộc địa Pháp. Bên cạnh đó, luận án cũng phân tích những tác động trong chuyển biến kinh tế Vĩnh Yên tới tình hình văn hóa - xã hội của nhân dân địa phương, góp phần lý giải quá trình tiếp biến và chuyển biến của xã hội Việt Nam khi đối diện với văn minh phương Tây.

Về đóng góp trong giảng dạy và nghiên cứu lịch sử, kết quả nghiên cứu của luận án có thể dùng làm tài liệu phục vụ nghiên cứu, giảng dạy lịch sử Việt Nam, lịch sử kinh tế Việt Nam, lịch sử và kinh tế tỉnh Phú Thọ cũng như một số ngành, chuyên ngành khoa học khác.

6. Bố cục của luận án

Ngoài phần Mở đầu, Kết luận, Tài liệu tham khảo và Phụ lục, nội dung của luận án được trình bày trong 5 chương:

Chương 1: Tổng quan tình hình nghiên cứu liên quan đến đề tài luận án

Chương 2: Khái quát tỉnh Vĩnh Yên thời Pháp thuộc và tình hình kinh tế Vĩnh Yên đến năm 1890

Chương 3: Những chuyển biến bước đầu trong kinh tế tỉnh Vĩnh Yên từ năm 1890 đến năm 1918

Chương 4: Kinh tế tỉnh Vĩnh Yên giai đoạn 1919-1945

Chương 5: Đặc điểm và tác động của chuyển biến kinh tế tỉnh Vĩnh Yên thời Pháp thuộc

CHƯƠNG 1:

TỔNG QUAN TÌNH HÌNH NGHIÊN CỨU LIÊN QUAN ĐẾN ĐỀ TÀI LUẬN ÁN

1.1. Các nghiên cứu về tình hình kinh tế Việt Nam và Bắc Kỳ cuối thế kỷ XIX, đầu thế kỷ XX

1.1.1. Các công trình của tác giả nước ngoài

Việt Nam từng là thuộc địa của thực dân Pháp trong gần một thế kỷ, chính vì vậy, vấn đề Việt Nam thời kỳ cận đại nói chung, kinh tế nói riêng giành được nhiều sự quan tâm của các học giả Pháp. Một trong những công trình nghiên cứu tương đối sớm của người Pháp về Việt Nam là: *Psychologie du peuple Annamite: le caractère national; l'évolution historique, intellectuelle, sociale et politique; L'Indochine Économique; Le problème économique Indochinois; L'évolution économique de l'Indochine française; Les monopoles de l'opium et du sel en Indochine; l'Indo-Chine française: Souvenirs; Une histoire économique du Vietnam 1860-2007; l'Indochine par les Français; Économie agricole de l'Indochine; l'Utilisation du sol en Indochine Française, v.v..* Ngoài ra, những vấn đề chung liên quan tới kinh tế Đông Dương cũng được trình bày trong nội dung của các tập san, tạp chí như *Bulletin économique de l'Indochine; L'Éveil Économique de l'Indochine v.v..*

Nghiên cứu trực tiếp về Bắc Kỳ và kinh tế Bắc Kỳ có các công trình tiêu biểu như: *Người nông dân châu thổ Bắc Kỳ; Xứ Bắc Kỳ ngày nay; Essais sur les Tonkinois; Guide du Tonkin; Indochine du Nord; La culture du riz dans le delta du Tonkin; L'hydraulique agricole au Tonkin, v.v..*

Nghiên cứu về Đông Dương và Bắc kỳ, ngoài những tác phẩm của người Pháp, còn có những công trình của học giả Nga và Mỹ như: *Đông Dương: Khảo lược về Miến Điện, Xiêm La, An Nam, Cambodge và bán đảo Malakka; The History of French colonial policy 1870-1925; The Roots of French Imperialism in Eastern Asia; Public Finance in Vietnam under French Rule, 1895-1954; The development of Capitalism in Colonial Indochina, v.v..*

1.1.2. Các công trình của tác giả Việt Nam

Song song với các học giả nước ngoài, các nhà nghiên cứu Việt Nam cũng dành nhiều sự quan tâm cho những nghiên cứu về tình hình Đông Dương nói chung, kinh tế Đông Dương trong giai đoạn cuối thế kỷ XIX, đầu thế kỷ XX nói riêng. Thông qua những công trình này, các mảnh ghép trong bức tranh kinh tế Vĩnh Yên thời Pháp thuộc phần nào được hé mở.

Nghiên cứu thuộc lĩnh vực sử học đề cập đến kinh tế như một bộ phận trong quá trình vận động của lịch sử dân tộc như: *Lịch sử Việt Nam 15 tập; Đại cương Lịch sử Việt Nam; Tiến trình lịch sử Việt Nam; Việt Nam thời Pháp đô hộ; Chính quyền thuộc địa ở Việt Nam trước cách mạng tháng Tám 1945; Lịch sử Việt Nam tập 7, Lịch sử Việt Nam tập 8 và Lịch sử Việt Nam tập 9, v.v..*

Các nghiên cứu đi sâu vào tìm hiểu các vấn đề kinh tế như: *Kinh tế và xã hội Việt Nam dưới các vua triều Nguyễn; Cơ cấu kinh tế - xã hội Việt Nam thời thuộc địa (1858-1945); Đồn điền của người Pháp ở Bắc Kỳ từ 1884 đến 1918; Sơ thảo lịch sử phát triển thủ công Việt Nam; Chủ nghĩa đế quốc Pháp và tình hình công nghiệp ở Việt Nam dưới thời thuộc Pháp; Tiểu thủ công nghiệp Việt Nam 1858-1945; Làng nghề thủ công truyền thống Việt*

Nam; Bản sắc văn hóa dân tộc Việt Nam nghề dệt, nghề thêu cổ truyền Việt Nam; Nội thương Bắc Kỳ thời kỳ 1919-1939; Lịch sử tín dụng nông nghiệp Việt Nam (1875-1945); Chế độ thuế của thực dân Pháp ở Bắc Kỳ từ 1897 đến 1945; Việc nhượng đất, khẩn hoang ở Bắc Kỳ từ 1919 đến 1945, v.v.. Ngoài các công trình kể trên, còn có các bài viết về chủ đề kinh tế Việt Nam thời cận đại được công bố trên các tạp chí khoa học chuyên ngành như: *Tạp chí Nghiên cứu Lịch sử, Chuyên san Khoa học Xã hội và Nhân văn* (Đại học Quốc gia Hà Nội), *Tạp chí Khoa học Xã hội và Nhân văn, v.v..*

1.2. Các nghiên cứu về tình hình kinh tế - xã hội tỉnh Vĩnh Yên thời Pháp thuộc

Luận án tham khảo ghi chép trong các thư tịch cổ như: *Đại Việt sử ký toàn thư; Đại Việt Địa dư toàn biên; Đại Nam nhất thống chí (tập 4); Đồng Khánh địa dư chí, v.v..* Bên cạnh đó, cũng có một số sách nghiên cứu về địa giới tỉnh Vĩnh Yên trong các giai đoạn sau như: *Địa dư các tỉnh Bắc Kỳ; Quá trình chia định và những thay đổi địa danh, địa giới các đơn vị hành chính trên địa bàn nay là tỉnh Vĩnh Phúc, v.v..* Hầu hết những khảo cứu trên đã cung cấp một lượng thông tin rất có giá trị về vị trí địa lý, điều kiện tự nhiên, đặc điểm cư dân, truyền thống văn hóa v.v. của những vùng đất được chia định lại để cấu thành nên tỉnh Vĩnh Yên, từ đó đưa tới một tỉnh Vĩnh Yên đa dạng về địa hình, phong phú về văn hóa.

Các nghiên cứu trực tiếp về lịch sử, kinh tế và văn hoá bao gồm cả vùng đất Vĩnh Yên tiêu biểu như: *Địa chí Vĩnh Phú; Lịch sử phong trào công nhân và công đoàn Vĩnh Phú; Lịch sử công nghiệp và tiểu thủ công nghiệp Vĩnh Phú; Địa chí Vĩnh Phúc (sơ thảo); Vĩnh Phúc gồm và nghề gồm truyền thống; Văn hóa các dân tộc thiểu số ở Vĩnh Phúc; Vĩnh Phúc đất và người thân thiện; Địa chất và khoáng sản tỉnh Vĩnh Phúc; Lịch sử Đảng bộ tỉnh Vĩnh Phúc (1930-2010); Tam Đảo phát triển và kết nối; Địa chí Vĩnh Phúc, v.v..* Thông qua những tác phẩm này, diện mạo kinh tế của vùng đất Vĩnh Yên phần nào được đề cập nhưng còn sơ lược. Những công trình kể trên cũng là nền tảng quan trọng cho việc nghiên cứu một cách đầy đủ và hệ thống về các mặt của tỉnh Vĩnh Yên nói chung, kinh tế Vĩnh Yên nói riêng trong bối cảnh tỉnh Vĩnh Phúc ngày nay và tỉnh Phú Thọ từ ngày 1/7/2025.

Một số công trình trực tiếp đề cập đến Vĩnh Yên có: *Địa chí Vĩnh Yên; 100 năm Vĩnh Yên một số tư liệu và hình ảnh; Lịch sử Đảng bộ phường Đống Đa, phường Đồng Tâm, phường Hội Hợp, phường Khai Quang, phường Liên Bảo, phường Ngô Quyền, phường Tích Sơn, xã Định Trung, xã Thanh Trù; Công tác thủy nông ở tỉnh Vĩnh Yên thời Pháp thuộc, v.v..*

1.3. Những kết quả đạt được và vấn đề cần tiếp tục nghiên cứu

1.3.1. Kết quả đạt được

Về mặt tư liệu, đã tập hợp, khai thác được nhiều nguồn tài liệu có giá trị lịch sử, làm rõ các chiều cạnh của vấn đề nghiên cứu.

Về mặt phương pháp luận, không chỉ dừng lại ở vận dụng các phương pháp nghiên cứu truyền thống như phương pháp logic, phương pháp lịch sử, các nghiên cứu đã xuất bản liên quan đến đề tài luận án còn sử dụng nhiều phương pháp nghiên cứu chuyên ngành, liên ngành ở các lĩnh vực khác nhau của khoa học xã hội nhân văn và kinh tế học.

Về mặt nhận thức, các nghiên cứu nước ngoài và Việt Nam đã làm rõ được chính sách khai thác thuộc địa, tình hình kinh tế Việt Nam và Bắc Kỳ thời Pháp thuộc.

1.3.2. Những vấn đề cần tiếp tục nghiên cứu

Thứ nhất, tập hợp và khai thác các nguồn tư liệu chưa được quan tâm nghiên cứu liên quan đến lịch sử Vĩnh Yên, kinh tế Vĩnh Yên, trước hết là tài liệu lưu trữ, từ đó hệ thống, xử lý để có thể đưa ra những kết quả, đánh giá mới.

Thứ hai, vận dụng các phương pháp nghiên cứu chuyên ngành, liên ngành để làm rõ sự chuyển biến của kinh tế Vĩnh Yên qua hai giai đoạn, từ năm 1890 đến năm 1918 và từ năm 1919 đến năm 1945. Đặt sự chuyển biến của kinh tế Vĩnh Yên trong bối cảnh chung của Bắc Kỳ và Việt Nam thời thuộc địa.

Thứ ba, phân tích, đánh giá, làm rõ những chuyển biến kinh tế của Vĩnh Yên cuối thế kỷ XIX, đầu thế kỷ XX.

Tiểu kết chương 1

Kinh tế Việt Nam thời thuộc địa là chủ đề giành nhiều sự quan tâm, nghiên cứu của các nhà khoa học và cả những viên chức Pháp đương thời. Mặc dù tiếp cận ở nhiều góc độ, với những mục đích khác nhau, các kết quả nghiên cứu đều chỉ ra rằng dưới tác động của công cuộc đầu tư và khai thác thuộc địa của thực dân Pháp, kinh tế Đông Dương và Việt Nam nói chung, Bắc Kỳ và Vĩnh Yên nói riêng thời cận đại đã có sự chuyển biến.

CHƯƠNG 2:

KHÁI QUÁT TỈNH VĨNH YÊN THỜI PHÁP THUỘC VÀ TÌNH HÌNH KINH TẾ VĨNH YÊN ĐẾN NĂM 1890

2.1. Sự ra đời tỉnh Vĩnh Yên

2.1.1. Tên gọi và địa giới hành chính

Khu vực sau này là tỉnh Vĩnh Yên gồm một số huyện của phủ Vĩnh Tường thuộc tỉnh Sơn Tây và huyện Bình Xuyên (thuộc phủ Phú Bình, tỉnh Thái Nguyên). Tới nửa cuối thế kỷ XIX, trên bản đồ hành chính Việt Nam vẫn chưa xuất hiện địa danh tỉnh Vĩnh Yên, tên gọi này chỉ được ra đời khi thực dân Pháp kiểm soát được Bắc Kỳ và từng bước thiết lập quyền cai trị ở khu vực này.

Từ năm 1884, khi người Pháp lập Bắc Kỳ làm xứ bảo hộ, vùng đất sau này là tỉnh Vĩnh Yên phần lớn thuộc địa giới hành chính của tỉnh Sơn Tây, chỉ có huyện Bình Xuyên đặt dưới quyền cai trị trực tiếp của tỉnh Thái Nguyên.

Theo đề nghị của Thống sứ Bắc Kỳ và ý kiến của Kinh lược Bắc Kỳ, tháng 11/1890, Toàn quyền Đông Dương Jules Georges Piquet đã ký quyết định thành lập tỉnh Vĩnh Yên. Vì nhiều nguyên nhân khác nhau, ngày 16/4/1891, Toàn quyền Đông Dương ra nghị định giải thể tỉnh Vĩnh Yên, các đơn vị hành chính thuộc tỉnh Vĩnh Yên được đặt dưới sự quản lý của tỉnh Sơn Tây. Đối diện với thực tế như trước năm 1890, chính quyền Pháp quyết định tái lập tỉnh Vĩnh Yên vào cuối năm 1899.

2.1.2. Tổ chức bộ máy chính quyền

Trong vòng 30 năm đầu thế kỷ XX, ở Vĩnh Yên có khoảng 20 Công sứ từng nắm quyền. Đứng đầu hệ thống chính quyền người bản xứ là Tuần phủ. Giúp việc cho Công sứ là các sở chuyên môn phụ trách những công việc khác nhau và được chia thành ba nhóm:

i. Sở thuộc Ngân sách Đông Dương gồm: Sở Thương chính, Sở Bưu chính, Nông phổ ngân hàng, Túc mẽ cục. ii. Sở thuộc Ngân sách Bắc Kỳ gồm: Ngạch Quan Pháp, Ngạch Khố xanh, Sở Kiểm lâm, Sở Học chính. iii. Sở thuộc Ngân sách hàng tỉnh gồm: Sở Địa chính, Sở Công chính, Sở Y chính, Ngạch Nam quan và Tư pháp, Cảnh sát và Đê lao.

Việc cai trị các phủ, huyện, tổng, xã ở Vĩnh Yên cũng giống các nơi khác ở xứ Bắc Kỳ, ở phủ có quan Tri phủ, huyện có quan Tri huyện cai trị. Mỗi tổng có một viên Chánh tổng và một viên Phó tổng, Tuần phòng trong nom việc đê điều hàng tổng. Lý trưởng coi sóc việc làng cùng ban bố cho dân biết để tuân theo những mệnh lệnh của nhà nước. Mỗi làng đều có một Ban Hội đồng tộc biểu, trong đó có Chánh hội, Phó hội, Thư ký, Thủ quỹ, Hộ lại và các tộc biểu. Đối với những làng to có một hay nhiều Phó lý để giúp Lý trưởng về việc tuần phòng và đê điều.

Về vấn đề thu thuế của tỉnh do Sở Thương chính phụ trách. Đứng đầu Sở Thương chính là một viên chức người Pháp và một người Pháp giúp việc, dưới quyền còn có một viên Phán sự và năm lính đoan.

Nông nghiệp là ngành kinh tế chủ yếu và quan trọng nhất của Vĩnh Yên, vì vậy vấn đề quản lý ruộng đất và đồn điền được chú trọng. Năm 1926, Sở Địa chính của tỉnh được thành lập với một viên Tham tá chuyên môn và các viên đặc điền, thư ký có chức năng khám xét và quản lý ranh giới đất đai của các đơn vị hành chính trong tỉnh.

2.2. Điều kiện tự nhiên và dân cư

2.2.1. Điều kiện tự nhiên

Vĩnh Yên có ba dạng địa hình chính: địa hình đồi núi, tập trung ở hai huyện Tam Dương và Lập Thạch, nổi bật là dãy núi Tam Đảo; địa hình trung du; địa hình đồng bằng. Địa hình đa dạng chính là điều kiện thuận lợi để Vĩnh Yên có khả năng phát triển nền kinh tế theo hướng đa ngành.

Tỉnh nằm ở châu thổ Bắc Kỳ nên những đặc trưng khí hậu của vùng đã quy định chặt chẽ những đặc trưng khí hậu. Tính chất nhiệt đới ẩm gió mùa ở tỉnh được thể hiện rõ nét với nền nhiệt ẩm cao, có sự phân hóa rõ rệt giữa các mùa là điều kiện thuận lợi để tỉnh phát triển kinh tế nông nghiệp với trọng tâm là cây lúa nước, bên cạnh đó là khả năng đa dạng hóa giống cây trồng, vật nuôi.

Vĩnh Yên có hai hệ thống sông chảy qua là hệ thống sông Hồng và hệ thống sông Cà Lồ. Tỉnh còn có rất nhiều đầm, hồ tự nhiên như đầm Vạc, đầm Rung, đầm Cốc Lâm, hồ Suối Sỏi v.v.. Sự phong phú về thủy văn mặt ở Vĩnh Yên là điều kiện thuận lợi để phát triển nhiều ngành kinh tế khác nhau, tuy nhiên, nó cũng gây ra không ít khó khăn cho nền kinh tế tỉnh bởi những tác động do thiên tai về nguồn nước mang lại.

Địa hình và mạng lưới thủy văn mặt phong phú kết hợp với đặc trưng khí hậu nhiệt đới ẩm đã hình thành ở Vĩnh Yên nhiều nhóm đất khác nhau, trong đó phần lớn là nhóm đất xám và đất phù sa. Sự tồn tại đồng thời của hai nhóm đất này là điều kiện thuận lợi để người dân Vĩnh Yên phát triển các giống cây lương thực và cây công nghiệp như: lúa, ngô, lạc, vừng, chè v.v.. Trong lòng đầm Vạc và đất ruộng của một số làng trong tỉnh còn có loại đất sét đặc biệt (đất sét xám màu gan gà) - tư liệu sản xuất đồ gốm nổi tiếng trong thế kỷ XX.

Vĩnh Yên là khu vực có địa hình đa dạng, thảm thực vật và hệ động vật của tỉnh phong phú, điều này cho phép người dân trong tỉnh có thể nuôi trồng phục vụ các ngành kinh tế

truyền thống và hiện đại, trước hết là trong các hoạt động kinh tế nông nghiệp và lâm nghiệp. Trong lòng đất tỉnh Vĩnh Yên đã hình thành nhiều mỏ, quặng khoáng sản, tuy nhiên số lượng không quá lớn.

2.2.2. Đặc điểm dân cư

Tới đầu thế kỷ XX, Vĩnh Yên là tỉnh có thành phần tộc người khá đa dạng, tộc người chủ yếu là người Việt (hay còn gọi là người Kinh, chiếm 98,8% tổng số dân của toàn tỉnh), kế tiếp là người Mán Quần Cộc (Sán Diu), người Mán Cao Lan (Sán Chay), người Mán Sơn Đầu (Dao), người Mán Hoa Nhân (còn gọi là Mán giống Khách), người Nùng và người Thổ. Bên cạnh đó, Vĩnh Yên cũng là nơi sinh sống của một bộ phận người Hoa và người châu Âu, trong đó chủ yếu là người Pháp. Năm 1943, toàn tỉnh có 76 người ngoại quốc sinh sống, trong đó số lượng người Pháp trong tỉnh là 75 người.

2.3. Tình hình kinh tế Vĩnh Yên từ giữa thế kỷ XIX đến năm 1890

2.3.1. Nông nghiệp

Diện tích đất có thể canh tác thuận lợi được ở các làng xã thuộc Vĩnh Yên không nhiều, nguyên nhân là sự chia cắt của địa hình. Trong nông nghiệp, cây lúa là cây trồng chính. Một năm, người nông dân thường cấy hai vụ lúa đối với những ruộng đất thuận lợi nước tưới, đó là vụ chiêm và vụ mùa. Một số loại ruộng bậc cao, do thiếu nước, hoặc ruộng trũng thừa nước vào mùa mưa, người nông dân chỉ cấy được một vụ. Về sau do áp lực về dân số và nhu cầu lương thực, một phần diện tích đất hoang đã được đưa vào sản xuất, hình thành những cánh đồng canh tác mới ở khu vực Tích Sơn, Đồng Tâm, Hội Hợp, Liên. Ngoài nông nghiệp trồng trọt với các loại cây lương thực, ở vùng đồi núi, người nông dân còn trồng các loại cây thuốc, gỗ và chăn nuôi gia súc tăng thêm hiệu quả kinh tế và phục vụ nông nghiệp.

2.3.2. Thủ công nghiệp, thương nghiệp

Thủ công nghiệp là ngành kinh tế bổ trợ cho nông nghiệp và thương nghiệp, thường được tiến hành đan xen vào khoảng thời gian nông nhàn của người nông dân. Đầu thế kỷ XIX, thủ công nghiệp ở Việt Nam gồm có hai bộ phận là thủ công nghiệp nhà nước và thủ công nghiệp làng xã. Ở Vĩnh Yên có một số nghề thủ công nổi bật như đan lát các vật dụng bằng mây và tre, sản xuất vật liệu xây dựng (đồ gốm, gạch nung) và làm đồ sắt.

Các làng xã thuộc huyện Yên Lãng có nghề làm lụa trắng nổi tiếng trong vùng. Xã Vân Ô thuộc huyện Yên Lạc người dân lại có nghề làm vải trắng. Trong lòng đất của các làng xã ở Vĩnh Yên có nhiều tài nguyên, nhất là các mỏ sắt, đồng, chì ở Tam Dương, Lập Thạch được đưa vào khai thác và nộp thuế cho nhà nước.

Thương nghiệp Việt Nam đầu thế kỷ XIX phát triển hạn chế. Tổ chức thương mại của người Việt Nam lại sơ sài và thường chỉ giới hạn trong phạm vi gia đình. Một số người giàu lại đầu tư vào nông nghiệp, phát canh thu tô mà ít quan tâm mở rộng thương mại, đó là nguyên nhân làm cho thương mại không phát triển mạnh được, bên cạnh đó còn do tâm lý của người dân.

Đại Nam nhất thống chí có nhắc đến chợ Cát ở huyện Tam Dương, chợ Trung Hậu, chợ Hải Bối, chợ Đạm Xuyên, chợ Hương Loại thuộc huyện Yên Lãng, chợ Vĩnh Mỗ, chợ Địa Tàng ở huyện Yên Lạc là những chợ lớn ở các huyện. Trong số hơn 30 loại thổ sản (gồm cả động thực vật) của tỉnh Sơn Tây và các làng xã sau này thuộc tỉnh Vĩnh Yên chủ yếu thuộc 5 nhóm, đó là: các sản phẩm tơ, lụa; các loại cây lương thực; các loại củ, quả; các

cây gỗ quý, cây thuốc và các loài động vật quý hiếm, các loài có giá trị kinh tế và dinh dưỡng cao.

Tiểu kết chương 2

Nằm trọn vẹn trong khu vực khí hậu nhiệt đới ẩm gió mùa kết hợp cùng địa hình tự nhiên đa dạng, thủy văn phức tạp và thổ nhưỡng phong phú, Vĩnh Yên có điều kiện thuận lợi nhưng cũng vừa là thách thức trong phát triển kinh tế. Quá trình vận động dân cư đã khách quan thúc đẩy sự chuyển dịch cơ cấu kinh tế, kết nối giữa truyền thống nông nghiệp lúa nước và mô hình kinh tế đồn điền hiện đại, dù vẫn chịu sự kiểm soát nghiêm ngặt của chế độ thuộc địa. Năm 1858, thực dân Pháp chính thức nổ súng xâm lược Việt Nam. Sự hiện diện của người Pháp tại Việt Nam trong suốt gần 100 năm sau đó không chỉ làm thay đổi thiết chế chính trị quân chủ tồn tại hàng ngàn năm mà còn kéo theo những thay đổi quan trọng trong đời sống kinh tế và xã hội.

CHƯƠNG 3: NHỮNG CHUYỂN BIẾN BƯỚC ĐẦU TRONG KINH TẾ TỈNH VĨNH YÊN TỪ NĂM 1890 ĐẾN NĂM 1918

3.1. Bối cảnh lịch sử và chính sách khai thác thuộc địa lần thứ nhất của thực dân Pháp

3.1.1. Bối cảnh lịch sử

Chủ nghĩa tư bản từ giai đoạn tự do cạnh tranh sang giai đoạn độc quyền (đế quốc chủ nghĩa). Việt Nam và Đông Dương trở thành mục tiêu trọng điểm trong chiến lược bành trướng của thực dân Pháp.

Vào đầu thế kỷ XX, tình hình tiền tệ thế giới có biến động lớn, đặc biệt là cuộc khủng hoảng giá bạc năm 1902.

Trong khu vực, chiến thắng của Nhật Bản trước Nga (1905) và cuộc cách mạng Tân Hợi ở Trung Quốc (1911) đã tạo ra những luồng tư tưởng mới (Châu Á thức tỉnh).

Chiến tranh thế giới thứ nhất là sự kiện quốc tế tác động mạnh mẽ và trực tiếp nhất đến kinh tế Việt Nam trong giai đoạn này.

3.1.2. Chính sách khai thác thuộc địa lần thứ nhất của thực dân Pháp

Năm 1897, sau khi cơ bản bình định được các phong trào kháng chiến về mặt quân sự, Toàn quyền Paul Doumer đã triển khai Chương trình khai thác thuộc địa lần thứ nhất với quy mô lớn và tính chất hệ thống.

Để tối ưu hóa hiệu quả khai thác, chính quyền thuộc địa đã đẩy mạnh đầu tư vào hệ thống cơ sở hạ tầng kỹ thuật. Song song đó, các ngành công nghiệp khai khoáng (như than đá, kẽm, thiếc) và kinh tế đồn điền (cao su, cà phê, chè) được ưu tiên phát triển mạnh mẽ. Để có ngân sách nuôi bộ máy cai trị và xây dựng hạ tầng, Pháp đã thiết lập một hệ thống thuế khóa mới nặng nề.

Trong khuôn khổ chương trình khai thác thuộc địa lần thứ nhất, Bắc Kỳ trở thành địa bàn trọng điểm để thực dân Pháp triển khai các ngành kinh tế mới tư bản chủ nghĩa.

3.2. Các ngành kinh tế truyền thống

3.2.1. Nông nghiệp

Quy hoạch, xây dựng công trình thủy nông

Vĩnh Yên nằm ven bờ sông Hồng và những chi lưu của nó, nên ngay khi bắt đầu công cuộc bình định và khai thác thuộc địa, người Pháp đặc biệt chú trọng tới vấn đề khắc phục nạn lũ lụt.

Bên cạnh trị thủy, việc khắc phục tình trạng hạn hán, thiếu nước tưới cho cây trồng vào mùa khô hạn cũng được chính quyền thực dân chú ý. Ngay từ giữa năm 1899, ý tưởng về một hệ thống thủy nông hiện đại nhằm cung cấp nước tưới cho vùng thượng Vĩnh Yên lần đầu tiên được trình bày trước Thống sứ Bắc Kỳ.

Cơ cấu cây trồng

Cây lúa cũng giữ vai trò quan trọng nhất trong toàn bộ nền kinh tế nông nghiệp của tỉnh. Năm 1909, diện tích trồng lúa ở Vĩnh Yên là 69.812 mẫu (chiếm 87,14%). Diện tích canh tác cây ngô trên toàn tỉnh đạt 6.050 mẫu, chiếm 7,55% tổng diện tích gieo trồng. Khoai, sắn, đậu, thầu dầu, rau cũng là những giống cây trồng thứ cấp khác được phát triển tại Vĩnh Yên. Khoai lang, khoai sọ là những giống cây được trồng nhiều hơn cả vì có thể sinh trưởng nhanh trong nhiều điều kiện thời tiết khác nhau mà không cần tốn quá nhiều công chăm sóc.

Tháng 3/1908, Công sứ Vĩnh Yên đã đề nghị tỉnh Thái Bình cung cấp khoảng 8.000 cành dâu giâm nhằm cung cấp cho các làng có điều kiện đất đai phù hợp với việc canh tác giống cây này. Các báo cáo kinh tế cũng ghi nhận sự xuất hiện của khoai tây - giống cây có nguồn gốc châu Mỹ mới được du nhập tới châu Âu vào khoảng thế kỷ XVI và từng bước xâm nhập vào vùng đất châu Á theo “bước chân” của những nhà phát kiến phương Tây.

Đồn điền

Trong giai đoạn 1884-1918, Vĩnh Yên có 7 đồn điền thuộc sở hữu của người Pháp và đều là đại đồn điền với tổng diện tích là 7.025,2187ha, chỉ chiếm 0,75% tổng số đồn điền trên toàn Bắc Kỳ. Trong hai năm 1912, 1913, tại Vĩnh Yên ghi nhận sự xuất hiện của những đồn điền chủ người bản xứ.

Hầu hết các đồn điền ở Vĩnh Yên đều là đồn điền kết hợp trồng trọt và chăn nuôi. Giống cây trồng, vật nuôi trong đồn điền là những sản vật quen thuộc của địa phương, các chủ đồn điền tập trung nhất vào việc đẩy mạnh canh tác lúa, ngô, thầu dầu, chăn nuôi trâu và bò. Căn cứ vào nhu cầu của thị trường, cà phê cũng là loại cây được các cô lông đầu tư trồng.

Chăn nuôi

Đầu thế kỷ XX, sự chuyển biến đáng kể nhất trong ngành chăn nuôi Việt Nam và Vĩnh Yên là sự phân hóa trong nội bộ ngành với sự ra đời và xuất hiện của các hoạt động chăn nuôi trong các đồn điền.

Điểm khác biệt đầu tiên hai hình thức chăn nuôi này đó là về chủng loại vật nuôi. Việc chăn nuôi những loại gia súc, gia cầm này được phát triển trong hầu khắp các gia đình của tỉnh bởi những đặc tính tự nhiên của chúng tương đối phù hợp với điều kiện tự nhiên, điều kiện sinh hoạt của cư dân. Trong các đồn điền ở Vĩnh Yên gia súc là loại vật nuôi chính

gồm các giống vật nuôi như: trâu, bò, ngựa, la, dê. Tới năm 1908 tại các đồn điền thuộc Vĩnh Yên, trâu và bò là hai giống vật nuôi duy nhất được nuôi với số lượng 510 con.

Một đặc điểm đánh dấu sự chuyển biến của ngành chăn nuôi Vĩnh Yên thời Pháp thuộc so với thời kỳ trước đó là các tiến bộ khoa học kỹ thuật đã từng bước được áp dụng, vấn đề chăm sóc sức khỏe cho đàn gia súc, gia cầm nhằm đảm bảo chất lượng và năng suất sản phẩm cũng dần giành được sự quan tâm của chính quyền và người dân.

3.2.2. Thủ công nghiệp

“Nghề làm gốm phục vụ cho nhu cầu của người dân bản xứ vốn là ngành thủ công nghiệp đáng quan tâm nhất của khu vực”, “tỉnh có rất ít ngành thủ công”, “ngành giữ vai trò quan trọng nhất vẫn là nghề làm gốm”. Ở Vĩnh Yên nổi tiếng có gốm Hương Canh.

Các mặt hàng chủ lực là chum, vại, ấm, chén và các đồ đựng trong gia đình. Các xã Định Trung, Hán Nữ, Bảo Sơn, Đôn Hậu, Khai Quang thuộc tổng Định Trung (huyện Tam Dương) là trung tâm thứ hai sản xuất gốm của tỉnh. Sản phẩm chủ yếu của các làng này là nôi đất và chậu đất.

Vĩnh Yên giai đoạn này cũng ghi dấu sự hiện diện của các thợ thủ công chuyên làm nghề dệt, nghề đốt than củi, sản xuất dầu, thợ rèn, thợ nề, chạm khắc gỗ làm đồ thờ v.v.. Thủ công nghiệp Vĩnh Yên giai đoạn 1890-1918 chưa vượt qua khỏi sự phát triển của nghề thủ công cá thể, vẫn mang đậm tính nhỏ lẻ và phân tán.

3.2.3. Thương nghiệp

Mặt hàng chính

Có đến gần 100 hàng hóa được trao đổi, buôn bán trên thị trường Vĩnh Yên đầu thế kỷ XX. Căn cứ vào nguồn gốc sản phẩm, có thể chia hàng hóa tại Vĩnh Yên thành ba nhóm chính: sản phẩm nông nghiệp (thóc và gạo, ngô, khoai lang, sắn, đậu v.v.; bò, trâu, vịt, lợn, gà, ngỗng, trứng gà, trứng vịt, cá muối, sừng trâu, mật ong v.v.).

Sản phẩm thủ công nghiệp: đồ gốm, đồ đan lát, đồ rèn, đúc, hàng xén, các loại thực phẩm. Hàng hoá bên ngoài tỉnh và nước ngoài: năng lượng (xăng, dầu, v.v.), các đồ dùng sinh hoạt (quần áo, giày dép, đồng hồ, thuốc lá Trung Quốc, giấy viết, mực v.v.), thực phẩm tiêu dùng hàng ngày (mắm, muối, gia vị, v.v.), nguyên liệu phục vụ cho các hoạt động kinh tế khác.

Lâm thổ sản: gỗ, củi và các loại lâm sản khác ở tỉnh Vĩnh Yên là khá lớn. Tre, gỗ và các sản phẩm khác từ rừng là những mặt hàng lâm thổ sản nổi bật của tỉnh. Ngoài ra, còn có than củi với nguyên liệu chính là thân cây gỗ.

Hệ thống chợ và thương nhân

Các chợ ở Vĩnh Yên thường được mở ở vị trí trung tâm, gần các điểm giao thông quan trọng như các tuyến đường lớn hay bên sông, thuận lợi cho việc vận chuyển hàng. Căn cứ theo quy mô và vị trí của chợ, các chợ tại Vĩnh Yên được phân thành ba loại là: chợ tỉnh, chợ huyện và chợ làng. Theo thống kê năm 1913, ở Vĩnh Yên có 48 chợ, phân bố ở khắp địa bàn tỉnh, trong đó phủ Vĩnh Tường có số lượng chợ nhiều nhất (19/48 chợ).

Đối tượng tham gia và đóng vai trò buôn bán chính trong nền thương mại ở Vĩnh Yên đầu thế kỷ XX bao gồm những thương nhân trong các làng xã sống dựa hoàn toàn vào việc buôn bán. Một lực lượng người buôn bán nữa, số lượng đông nhưng không cố định là những thợ thủ công. Chính những người nông dân vừa là khách hàng mua hàng ở các chợ, đồng

thời họ cũng sắm vai là người bán hàng trong một số phiên. Tại các phiên chợ ở tỉnh tỉnh lý hay chợ huyện còn thu hút không ít thương nhân từ các tỉnh lân cận, thương nhân nước ngoài đến mua bán.

Các hoạt động buôn bán

Đầu thế kỷ XX, nền kinh tế Vĩnh Yên vẫn mang nặng tính chất của nền kinh tế tự cấp tự túc. Việc trao đổi hàng hóa thông qua hình thức vật đổi vật hoặc sử dụng tiền tiền làm vật trung gian cũng đã xuất hiện và tồn tại trong nền kinh tế Vĩnh Yên thời cận đại.

Báo cáo thống kê hàng hóa và giá của tỉnh Vĩnh Yên 10 năm đầu thế kỷ XX cho biết có đến gần 100 mặt hàng các loại được ghi chép về giá bán với những đơn vị cũng khác nhau. Sự bất đồng trong giá trị đo lường các mặt hàng cũng là thực trạng chung trên toàn Bắc Kỳ.

Giá bán giữa các mặt hàng trong giai đoạn 1901-1910 tăng vào thời điểm cuối năm cũng cho thấy sự phân hóa về cấu trúc giá và sự biến động giữa các nhóm mặt hàng. Bên cạnh yếu tố thời vụ, các hoạt động thương mại Vĩnh Yên còn chịu ảnh hưởng nặng nề bởi những diễn biến của điều kiện thời tiết, khí hậu.

3.3. Sự xuất hiện một số yếu tố kinh tế mới

3.3.1. Dịch vụ nghỉ dưỡng

Thực dân Pháp đã gặp phải rất nhiều khó khăn, trong đó có cả điều kiện tự nhiên của khu vực, điều này gây ra những ảnh hưởng tiêu cực tới sức khỏe và chất lượng cuộc sống của binh lính cũng như những người Pháp tại nơi đây.

Những người Pháp đã tìm kiếm một vùng đất phục vụ nhu cầu nghỉ dưỡng, chăm sóc sức khỏe của người Pháp, đặc biệt là các quan chức và binh lính để “trốn chạy cái chết vùng nhiệt đới”. Cuối thế kỷ XIX, đầu thế kỷ XX, Đà Lạt, Tam Đảo, Sapa là những vùng đất được lựa chọn để thực hiện mục đích trên.

Thông qua những cuộc thám hiểm, nghiên cứu kỹ lưỡng, người Pháp đã lựa chọn Tam Đảo để xây dựng khu nghỉ dưỡng vào mùa hè phục vụ chủ yếu những người châu Âu sinh sống ở Việt Nam vốn quen thuộc với khí hậu ôn đới của phương Tây. Tam Đảo cách Hà Nội không quá xa, chỉ khoảng 85km (đường bộ). Các nhà thám hiểm bấy giờ lại không tìm thấy những mầm mống của bệnh sốt rét ở đây.

Trong 10 năm đầu thế kỷ XX, chính quyền Liên bang Đông Dương tập trung xây dựng tuyến đường nối liền từ khu vực tỉnh lý Vĩnh Yên tới chân núi Tam Đảo và từ chân núi Tam Đảo lên tới khu vực được chọn để xây dựng khu nghỉ dưỡng. Sau khi tuyến đường lên tới khu nghỉ dưỡng về cơ bản được khai thông, nhằm phục vụ nhu cầu nghỉ dưỡng, phục hồi sức khỏe, tránh cái nóng mùa hè, nhiều biệt thự và khách sạn đã được xây dựng trên núi Tam Đảo.

3.3.2. Các công trình công chính

Đường xe lửa Hà Nội - Vân Nam Phủ của Công ty Vân Nam, chạy qua địa phận tỉnh Vĩnh Yên, một quãng 28 cây số. Trong quãng ấy có các ga chính như sau này: Hương Canh, Vĩnh Yên, Hướng Lại và Bạch Hạc.

Tới trước năm 1918, đầu tư của người Pháp vào hệ thống hạ tầng giao thông ở Vĩnh Yên tập trung nhiều vào việc thiết lập tuyến đường Vĩnh Yên - Tam Đảo. Bên cạnh hệ thống giao thông vận tải, chính quyền thực dân cũng chú ý tới việc đầu tư hệ thống cơ sở hạ tầng nhằm đảm bảo việc truyền tải thông tin giữa các khu vực, địa phương. Để nối liền

thông tin liên lạc giữa cấp xứ với chính quyền địa phương hàng tỉnh và giữa các tỉnh, thực dân Pháp đã sớm đầu tư một hệ thống bưu điện cùng đường dây điện thoại tại Vĩnh Yên.

Từ những năm 1904-1905, thực dân Pháp đã bắt đầu xây dựng hệ thống cấp nước sạch ở Vĩnh Yên. Bên cạnh hệ thống nước sạch, điện chiếu sáng ở khu vực công cộng trong đô thị và trong công sở và gia đình thượng lưu cũng sớm xuất hiện tại Vĩnh Yên ngay từ những năm đầu thế kỷ XX.

Trước năm 1918, ngành tài chính Việt Nam cũng ghi nhận nhiều sự thay đổi với sự ra đời của các ngân hàng và quỹ tín dụng. tại Vĩnh Yên, các báo cáo kinh tế mới chỉ ghi nhận các khoản vay phục vụ cho hoạt động trồng trọt kể từ năm 1905.

Tiểu kết chương 3

Giai đoạn 1890-1918, những chuyển biến của kinh tế Vĩnh Yên tập trung vào sự thay đổi cơ cấu ngành, với sự ra đời của các hoạt động kinh tế mới gắn liền với công cuộc đầu tư, khai thác thuộc địa của thực dân Pháp. Mặc dù vậy, nằm trong bối cảnh chung của toàn cõi Đông Dương, hoạt động chủ yếu của các ngành này là xây dựng và gia cố hệ thống cơ sở hạ tầng nhằm phục vụ cho lợi ích kinh tế của nước Pháp. Song song với những bộ phận kinh tế mới xuất hiện, các ngành kinh tế truyền thống ở Vĩnh Yên tiếp tục được duy trì và có sự chuyển biến trong nội tại từng ngành với sự xuất hiện của các phương thức và kỹ thuật sản xuất theo kiểu phương Tây.

CHƯƠNG 4: KINH TẾ TỈNH VĨNH YÊN GIAI ĐOẠN 1919-1945

4.1. Bối cảnh lịch sử mới và chính sách khai thác thuộc địa lần thứ hai của thực dân Pháp

4.1.1. Bối cảnh lịch sử mới

Năm 1918, nước Pháp bước ra khỏi cuộc chiến trong tư thế thắng trận nhưng lại trở thành “con nợ lớn nhất trong số các con nợ”. Hàng loạt cơ sở sản xuất ngừng hoạt động, hàng nghìn nhà máy đóng cửa, sản xuất công nghiệp và nông nghiệp đình trệ. Trong cuộc chiến 1914-1918, nước Pháp là một trong những chiến trường chính, là nơi diễn ra những cuộc “giằng co” gay gắt nhất giữa các bên tham chiến. Tình hình trong nước rối ren, các thuộc địa của Pháp cũng không giữ được sự ổn định, đặc biệt là các thuộc địa thuộc khu vực châu Á - Thái Bình Dương. Từ sau Chiến tranh thế giới thứ nhất, thế giới chứng kiến thời kỳ bùng nổ của phong trào giải phóng dân tộc ở các dân tộc thuộc địa và bị áp bức

Ở thuộc địa thực dân Pháp nhận thấy rằng cần phải có biện pháp để ổn định tạm thời tình hình và “xoa dịu” những phần nộ của người dân, tạo điều kiện thuận lợi cho việc thu hút vốn đầu tư của tư nhân khi nguồn vốn nhà nước đang có biểu hiện của sự suy thoái. Trong suốt hơn hai thập kỷ kể từ sau Chiến tranh thế giới thứ nhất tới trước khi bị Nhật đảo chính, chính quyền Paris đã thi hành những biện pháp nhằm thiết lập chặt hơn nữa mối quan hệ với Đông Dương.

4.1.2. Chính sách khai thác thuộc địa lần thứ hai của thực dân Pháp

Nếu trong gần 20 năm đầu thế kỷ XX, vốn đầu tư mà thực dân Pháp sử dụng chủ yếu ở Việt Nam là nguồn vốn công thì trong thập niên 20, 30 của thế kỷ XX, vốn từ các công ty tư nhân dần chiếm vị trí chủ đạo trong toàn bộ nền kinh tế Việt Nam thời bấy giờ.

So với giai đoạn 1859-1918, thì từ năm 1920 tới năm 1939, vốn tư nhân Pháp đã tăng hơn 11 lần. Tính riêng trong những năm 1920, số vốn mà các công ty tư nhân đầu tư vào các thuộc địa, chủ yếu là Đông Dương, chiếm hơn 70% toàn bộ số vốn mà nước Pháp đổ vào các vùng đất phụ thuộc. Không chỉ có sự chuyển dịch trong cơ cấu nguồn vốn đầu tư mà xu hướng đầu tư vốn của tư bản thực dân cũng có sự thay đổi đáng kể. Nhìn chung trên toàn bán đảo Đông Dương, trong đó trọng tâm là Việt Nam, tỷ lệ vốn đầu tư trong lĩnh vực nông - lâm nghiệp giai đoạn 1924-1939 tăng gấp 2,5 lần so với giai đoạn trước đó.

4.2. Những chuyển biến trong nông nghiệp

4.2.1. Ứng dụng khoa học kỹ thuật trong sản xuất

Đầu năm 1923, hệ thống thủy nông Liễn Sơn được đưa vào sử dụng, minh chứng nổi bật nhất cho việc vận dụng khoa học kỹ thuật hiện đại vào khắc phục những điều kiện tự nhiên, phục vụ hoạt động sản xuất nông nghiệp. Sau 10 năm đưa vào sử dụng, năm 1933, mạng lưới Liễn Sơn trên thực tế phủ rộng trên 18.000ha đất canh tác. Đến năm 1938, con số này là 21.000ha.

Trong năm 1934, một chương trình tiêu nước cho xã Vĩnh Mỹ (Yên Lạc) đã được triển khai nhằm tiêu thoát nước đở dòn từ mạng lưới thủy nông vào vụ tháng năm và nước từ các con suối ở Tam Đảo dồn về vùng trũng này trong vụ tháng 10. Sự thành công của chương trình năm 1934 đã đặt cơ sở quan trọng để người Pháp tiếp tục đầu tư vào hoạt động tiêu nước trên địa bàn Vĩnh Yên, mở rộng diện tích canh tác thêm hàng ngàn mẫu ruộng.

Năm 1925, một Trạm thực nghiệm nông nghiệp đã được thành lập tại khu vực gần với tỉnh lỵ Vĩnh Yên. Từ cơ sở nghiên cứu này, chính quyền Liên bang Đông Dương đã tiến hành nhiều thử nghiệm nhằm thúc đẩy việc áp dụng phương tiện cơ giới vào canh tác, sử dụng phân bón cho cây trồng và khuyến khích áp dụng những phương pháp canh tác tiến bộ.

4.2.2. Đa dạng cơ cấu giống cây trồng

Năm 1934, Trạm thực nghiệm nông nghiệp tiến hành một chương trình nông nghiệp nhằm thúc đẩy việc trồng khoai tây trên toàn tỉnh. Chính quyền thực dân cũng cho thử nghiệm ở Vĩnh Yên nhiều giống cây trồng khác nhau có nguồn gốc từ các quốc gia, lục địa khác hay từ các tỉnh lân cận như: cam Bồ Hạ, dưa Victoria, dưa, quýt Thái Nguyên, các loại rau châu Âu, v.v..

Đến năm 1941, toàn Vĩnh Yên có 47 cánh đồng vụ Chiêm và 57 cánh đồng vụ Mùa được áp dụng vào việc nhân giống các giống lúa mới. Những giống lúa được tuyển chọn đều có chất lượng tốt nhất, đáp ứng được các tiêu chí: năng suất cao, chịu được thiên tai và chống được thiên địch, phục vụ được nhu cầu của thị trường.

So với giai đoạn 1890-1918, cơ cấu cây trồng trên địa bàn tỉnh Vĩnh Yên chưa có những chuyển biến mang tính đột phá. Vấn đề đa dạng hóa các giống cây được chính quyền Liên bang Đông Dương quan tâm triển khai nhưng còn mang tính cục bộ, việc phát triển các giống cây cũng được thực hiện nhưng tập trung vào các giống cây đã hiện diện lâu năm.

4.2.3. Thay đổi trong sở hữu và hoạt động canh tác của các đồn điền

Trong giai đoạn 1918-1945, công cuộc khai hoang, nhượng đất, lập đồn điền có nhiều chuyển biến với đặc điểm nổi bật là sự đa dạng hóa trong bộ phận chủ đồn điền, các điền chủ người bản xứ xuất hiện ngày càng nhiều.

Trước năm 1918, các đồn điền Vĩnh Yên phần lớn do người nước ngoài làm chủ với tổng diện tích là 7.025,2187ha thì trong giai đoạn sau Chiến tranh thế giới thứ nhất, tình hình đã có sự chuyển biến rõ nét. Tới cuối thập niên 1920, các điền chủ ngoại quốc chỉ còn sở hữu 1.774ha, trong khi đó, tổng diện tích đồn điền tại Vĩnh Yên do người Việt làm chủ lại đạt mức 3.229ha, cao gấp 1,82 lần so với người nước ngoài.

Có ba hình thức sử dụng nhân công trong các đồn điền tại Vĩnh Yên: người làm công ăn lương được chủ đất thuê để làm việc trên các đồn điền và nhận lương bằng tiền hoặc hiện vật; nông dân lĩnh canh thuê lại đất của chủ đất rồi trả tiền hoặc nông phẩm cho chủ đất; phát canh thu tô, người nông dân phải nộp địa tô cho chủ đất và không phải chịu bất cứ chi phí phát sinh nào khác trên mảnh đất đó.

4.2.4. *Biến chuyển trong cơ cấu vật nuôi*

Đặc điểm nổi bật của ngành chăn nuôi Việt Nam giai đoạn 1918-1945 là sự tăng lên đột biến của các đồn điền chuyên chăn nuôi của người châu Âu. Tại Vĩnh Yên, chăn nuôi vẫn chỉ là hoạt động phụ trợ cho trồng trọt, các đồn điền đều tổ chức theo mô hình kết hợp giữa hai hoạt động trên. Trâu, bò, lợn vẫn là những loại gia súc chính. So với thời kỳ trước, chăn nuôi Vĩnh Yên vẫn chưa có sự chuyển biến rõ rệt, những thay đổi trong giai đoạn này chủ yếu liên quan tới số lượng vật nuôi và việc áp dụng một số phương pháp khoa học kỹ thuật.

Sách Sổ liệu thống kê Việt Nam thế kỷ XX cho biết trong giai đoạn 1901-1950, lợn là loại gia súc được nuôi nhiều nhất tại Việt Nam, kế đến là trâu và bò. Nguyên nhân của sự chênh lệch về chủng loại vật nuôi có liên quan tới nhu cầu sử dụng của người dân.

Giai đoạn này đã ghi nhận việc đẩy mạnh áp dụng khoa học kỹ thuật trong chăn nuôi với việc tăng cường phòng chống và ngăn chặn tối đa những hậu quả của dịch bệnh.

4.3. Tình hình thủ công nghiệp

4.3.1. *Những biến đổi trong các nghề thủ công truyền thống*

Trước năm 1918, nghề làm gốm giữ vị thế chủ lực trong hoạt động thủ công nghiệp của tỉnh Vĩnh Yên, sau thời điểm này, một sự chuyển dịch quan trọng đã diễn ra. Xét trên phương diện doanh thu và số lượng thợ tham gia, nghề sản xuất đường và mật mía đã từng bước vươn lên, trở thành nghề thủ công chính yếu của tỉnh.

Điểm nổi bật của nghề làm gốm Vĩnh Yên trong giai đoạn 1918-1945 so với giai đoạn trước là sự mở rộng về thị trường tiêu thụ và các biện pháp hiện đại hóa ngành kinh tế này.

Làm mộc và đan lát là những nghề lâu đời ở tỉnh Vĩnh Yên, tuy nhiên, trong thời kỳ trước, các nghề này tồn tại khá lay lắt, quy mô sản xuất còn hạn chế, sản phẩm tạo ra chủ yếu để phục vụ nhu cầu của gia đình hoặc buôn bán nhỏ trong tỉnh. Từ sau năm 1918, Vĩnh Yên đã ghi nhận sự gia tăng đáng kể của những nghệ nhân tham gia vào hoạt động kinh tế này. Những thợ thủ công đã nhanh chóng học tập và thiết kế những đồ nội thất theo phong cách châu Âu.

Tại tỉnh Vĩnh Yên, những người thợ làm nghề rèn và đúc kim loại phân bố ở hầu khắp các xã, nhưng tập trung đông nhất trong các xã thuộc huyện Bình Xuyên. Trong tương quan với một số tỉnh thuộc khu vực Bắc Kỳ, số lượng thợ rèn ở Vĩnh Yên là không quá nhiều.

Các làng nghề làm mắm ở Vĩnh Yên thuộc xã Tiên Hường, xã Quan Tử và Phú Thị. Trong đó, nổi bật hơn cả là mắm Phú Thị. Nghề ép dầu ở Bắc Kỳ gồm có hai loại: một là ép dầu phục vụ cho nhu cầu ăn uống (dầu lạc, dầu vừng), hai là các loại dầu ép phục vụ cho thắp sáng và công nghiệp (thầu dầu, dầu trâu). Tại tỉnh Vĩnh Yên, nghề ép dầu từ cây thầu dầu được đề cập tới như là một sản phẩm nổi bật của xã Nghinh Tiên (huyện Yên Lạc).

Ở Vĩnh Yên còn duy trì một số nghề thủ công truyền thống khác như: làm đậu phụ, nấu rượu, làm kẹo mứt truyền thống, làm bún, làm muối, làm hàng mã, làm hương, nghề kim hoàn, làm đồ sừng, v.v..

4.3.2. Sự xuất hiện một số ngành nghề thủ công mới

Bên cạnh những nghề thủ công truyền thống, ở Vĩnh Yên đầu thế kỷ XX cũng xuất hiện một số nghề thủ công mới do nền kỹ nghệ châu Âu du nhập vào. Đó là hệ quả của công cuộc khai thác thuộc địa và sự xâm nhập của chủ nghĩa tư bản vào xã hội phong kiến Việt Nam. Các nghề này có đặc điểm chung là đều nảy sinh từ nhu cầu của thực dân Pháp và giới thượng lưu, phục vụ trực tiếp cho nhu cầu thực tế của xã hội, của thị trường bấy giờ. Cùng với sự xuất hiện của những người phương Tây, các mặt hàng, đồ dùng có nguồn gốc xuất xứ từ Pháp hay nhiều nước châu Âu khác hiện diện ngày một rõ nét trong đời sống thường nhật của người dân Vĩnh Yên, nhu cầu sửa chữa, mua bán, trao đổi các sản phẩm của nghề thủ công mới ngày một lớn. Trong bối cảnh đó, các thợ thủ công Vĩnh Yên đã tự tìm hiểu, nghiên cứu, học hỏi kỹ nghệ và làm nghề như một sự tất yếu của xã hội và thị trường. Sau đây là một số nghề thủ công mới xuất hiện phổ biến ở Việt Nam và Vĩnh Yên đầu thế kỷ XX như: xuất hiện máy may; nghề đóng giày, sửa giày theo phong cách châu Âu; sửa chữa xe đạp, đồng hồ; chụp ảnh; sản xuất bánh kẹo Tây hay đăng ten.

4.4. Một số chuyển biến trong thương nghiệp

4.4.1. Mạng lưới chợ

Sau Chiến tranh thế giới thứ nhất, bức tranh thương mại Vĩnh Yên có những thay đổi nhất định. Trước hết, đó là sự ra đời của các chợ mới và sự cải tổ của các chợ vốn có nhằm đáp ứng những yêu cầu mới của thời đại.

Trong hai năm 1925 và 1934, chính quyền thực dân đã đưa ra một số quy định về việc lập chợ gia súc, cũng như xem xét và sắp xếp lại những chợ đã có trước đây. Theo nghị định ngày 7/10/1925, hai chợ gia súc trước đây trên địa bàn Vĩnh Yên là chợ Đại Đề và chợ Vĩnh Mỗ bị giải thể do hai chợ này có vị trí hẻo lánh, hoạt động kém hiệu quả và rất khó quản lý vấn đề vệ sinh. Trong ba chợ này, chỉ có chợ Thổ Tang là quan trọng bởi động vật đưa đến đây bán nhiều”. Chính vì vậy, Công sứ Forsans đề xuất thiết lập ở Vĩnh Yên hai chợ mới chuyên buôn bán gia súc là chợ Thổ Tang (đã tồn tại) và chợ Vĩnh Yên.

Thị trường thương mại của Vĩnh Yên cũng có sự mở rộng nhẹ, bằng những tuyến đường bộ, đường sắt và đường thủy, tỉnh đã thiết lập mối quan hệ buôn bán với nhiều địa phương trong khu vực Bắc Kỳ, đưa hàng hóa tới khu vực Trung Kỳ và phía Nam Trung Quốc.

4.4.2. Tình hình buôn bán trong tỉnh

Tới đầu những năm 30 của thế kỷ XX, các giá trị trong trao đổi và lưu thông hàng hóa ở tỉnh đã được thống nhất hơn so với giai đoạn trước.

Giá bán nông sản tỉnh Vĩnh Yên giai đoạn 1932-1939 liên tục có sự tăng giảm không đồng đều giữa các năm và giữa các loại sản phẩm. Giá bán của các loại nông sản thứ cấp của Vĩnh Yên đạt đỉnh vào năm 1939, tăng khoảng hai lần so với năm 1938 hoặc so với số liệu của năm gần nhất ghi nhận được.

Giá bán hàng hoá ở Vĩnh Yên chịu tác động bởi các yếu tố quan hệ cung - cầu của thị trường, các chính sách kinh tế, giá trị sử dụng của hàng hoá, giá trị hàng hoá (năng suất lao động và mức độ phức tạp của lao động). Nông sản luôn là mặt hàng có vị trí hàng đầu trong toàn bộ ngành thương nghiệp Việt Nam nói chung, tỉnh Vĩnh Yên nói riêng. Nếu so sánh với các mặt hàng thủ công nghiệp khác như: mật mía, đường, lưỡi cày v.v. , có thể thấy giá bán nông sản nhìn chung không quá cao.

Trong thập niên 30 của thế kỷ XX, nếu như nghề sản xuất lưỡi cày mang lại doanh thu thấp nhất (850 đồng bạc) thì nghề làm đường và mật mía mang lại doanh thu cao nhất trong nhóm nghề thủ công (300.000 đồng bạc vào năm 1936). Điều này có thể được lý giải là do mặt hàng này không thể tái sử dụng, đồng thời đây cũng là mặt hàng rất thiết yếu trong đời sống sản xuất, sinh hoạt của cư dân.

4.4.3. Tình hình buôn bán ngoài tỉnh

Sự phát triển nhanh chóng của giao thông không chỉ cải thiện đáng kể khả năng kết nối vùng miền mà còn tạo điều kiện thuận lợi cho việc mở rộng hoạt động buôn bán, vượt xa phạm vi nội tỉnh. Thị trường đã có sự mở rộng đáng kể, không chỉ giới hạn ở các tỉnh thành trong Bắc Kỳ như Hà Nội, Hải Dương, Hải Phòng, Sơn Tây, Hòa Bình, Phú Thọ, Tuyên Quang, Yên Bái mà còn vươn xa tới khu vực Trung Kỳ như Huế, thậm chí là xuất khẩu sang Mông Tự và Vân Nam Phủ ở phía Nam Trung Quốc.

Trong giai đoạn 1933-1936 tổng sản lượng xuất khẩu của tỉnh đã tăng 138,6%. Trong đó, gạo, thóc và ngô là các mặt hàng chiếm tỉ trọng lớn nhất trong cơ cấu sản lượng xuất khẩu của tỉnh, riêng năm 1934 và 1936 lần lượt chiếm 46,1% và 40,96%. Vĩnh Yên cũng nhập khẩu các mặt hàng trong tỉnh không có, hoặc sản xuất nhưng không đủ cung ứng cho đời sống sản xuất và sinh hoạt của người dân. Những năm 30 của thế kỷ XX, khối lượng và giá trị hàng hóa mà tỉnh Vĩnh Yên nhập khẩu đều tăng qua các năm. Vĩnh Yên là tỉnh chủ yếu đưa hàng hoá tới các địa phương khác.

4.5. Sự mở rộng của các ngành kinh tế mới

4.5.1. Dịch vụ du lịch và nghỉ dưỡng

Giai đoạn từ 1918-1945, thực dân Pháp đã chú ý hơn tới các hoạt động quản lý và phát triển khu nghỉ dưỡng theo hướng kinh tế dịch vụ du lịch.

Chính quyền Pháp chủ trương và tập trung thiết lập các công trình trên các khu nghỉ dưỡng thân thiện với điều kiện tự nhiên, phù hợp với cảnh quan sinh thái của vùng. Nhằm đảm bảo tính thẩm mỹ cho khu nghỉ dưỡng, những quy định về vệ sinh cảnh quan cũng được chính quyền dành nhiều quan tâm, theo đó, những vấn đề liên quan đến vật nuôi, rác thải v.v. được quy định tương đối chặt chẽ.

Các hoạt động của khu nghỉ dưỡng Tam Đảo hướng đến phục vụ du lịch: cơ sở nghỉ dưỡng, các tiện ích cơ bản (đường dây điện, buro điện, bể bơi, công viên, quảng trường, nhà thờ, các hoạt động thể thao ngoài trời, v.v.).

4.5.2. Sự mở rộng các công trình công chính

Đối với hệ thống đường bộ, chính quyền thực dân bảo trì và nâng cấp các tuyến đường thuộc địa, đường liên tỉnh và tỉnh lộ trên địa bàn tỉnh. Đến năm 1938, Vĩnh Yên có 58,5km đường trải nhựa, 23km đường trải đá, 100km đường ô tô có thể chạy vào mùa khô, 150km đường dành cho xe gia súc. Từ 1918-1945, thực dân Pháp cũng thực hiện một số hoạt động mở thêm các tuyến đường tỉnh, xây dựng các cầu đường bộ bằng gỗ, bằng sắt thép và bằng bê tông.

Vào năm 1930, giới chức Đông Dương tiến hành một số hoạt động khảo sát trên địa bàn hai tỉnh Vĩnh Yên và Phú Thọ nhằm xây dựng bãi hạ cánh máy bay. Cuối cùng, Phú Thọ được lựa chọn là địa điểm của sân bay mới, một trong những lý do khiến Vĩnh Yên đã không được lựa chọn là do kinh phí xây dựng sân bay tại đây ước tính lên tới 3.300 đồng bạc, trong khi địa điểm Phú Thọ chỉ là 250 đồng bạc.

4.5.3. Hệ thống ngân hàng và quỹ tín dụng nông nghiệp

Tính đến năm 1929, Bắc Kỳ có 5 Nông phố ngân hàng tỉnh, hơn 10 năm sau đó, tất cả các tỉnh ở Việt Nam đều có một Nông phố ngân hàng [Phạm Quang Trung, 1997, tr. 300]. Tại tỉnh Vĩnh Yên, Nông phố ngân hàng chính thức được thành lập theo quyết định ngày 8/6/1935 và đi vào hoạt động trong tháng 10 cùng năm. Mặc dù có thời gian hoạt động chỉ trong vòng ba tháng cuối cùng nhưng ngay trong năm 1935, Nông phố ngân hàng chi nhánh Vĩnh Yên đã thu hút sự tham gia của 123 hội viên với tổng vốn 126,60 đồng bạc.

Tiểu kết chương 4

Giai đoạn 1919-1945, dưới tác động của bối cảnh quốc tế và khai thác thuộc địa, các ngành kinh tế của Vĩnh Yên đã có sự chuyển biến rõ nét hơn giai đoạn 1890-1919. Một số ngành kinh tế của Vĩnh Yên trong những thời điểm nhất định đã có cơ hội phát triển để bù đắp những thiếu hụt về hàng hóa và duy trì nguồn cung cho thị trường. Khoa học kỹ thuật, phương thức sản xuất hiện đại đã góp phần không nhỏ trong công cuộc hiện đại hóa các ngành kinh tế truyền thống, nhờ vậy, chủng loại, sản lượng, mẫu mã, chất lượng và năng suất của các mặt hàng không ngừng được nâng cao. Bên cạnh đó, một đặc điểm nổi bật khác của giai đoạn này là sự điều đứng của một số nghề thủ công do không còn phù hợp với nhu cầu của thị trường hay do chính sách và cạnh tranh từ chính quyền cai trị. Nhìn vào tổng thể kinh tế tỉnh Vĩnh Yên giai đoạn 1919-1945, nông nghiệp vẫn là ngành giữ vai trò chủ chốt trong toàn bộ nền kinh tế tỉnh.

CHƯƠNG 5:

ĐẶC ĐIỂM VÀ TÁC ĐỘNG CỦA CHUYỂN BIẾN KINH TẾ TỈNH VĨNH YÊN THỜI PHÁP THUỘC

5.1. Đặc điểm của nền kinh tế

5.1.1. Nền kinh tế chịu tác động sâu sắc của chính sách khai thác thuộc địa

Cuối thế kỷ XIX - đầu XX, kinh tế Vĩnh Yên chuyển dịch cường bức sang hình thái thuộc địa tư bản. Pháp đầu tư hạ tầng (20% ngân sách) nhằm vơ vét tài nguyên. Nông

nghiệp chuyển sang sản xuất hàng hóa; công nghiệp bị kìm hãm chủ đích để duy trì sự phụ thuộc. Hệ thống thuế khóa hà khắc bản cùng hóa nông dân và hình thành các giai tầng mới. Đây là nền kinh tế phát triển lệch lạc, phục vụ chính quốc, tạo tiền đề bùng nổ các mâu thuẫn xã hội sâu sắc.

5.1.2. Các ngành kinh tế thế mạnh được đầu tư và hiện đại hóa

Từ năm 1897, "Chương trình Paul Doumer" thúc đẩy khai thác Đông Dương qua thuế khóa, nhân công và tài nguyên. Tại Vĩnh Yên, Pháp ưu tiên hiện đại hóa nông nghiệp, tiêu biểu là hệ thống thủy nông Liễn Sơn (tưới 40,8% diện tích). Hạ tầng giao thông và dịch vụ nghỉ dưỡng được thiết lập nhằm thu hút đầu tư tư bản. Sự du nhập kỹ thuật, vật liệu và tư liệu sản xuất phương Tây đã làm thay đổi cấu trúc kinh tế địa phương, tăng cường giao thương nhưng thực chất là để tối đa hóa lợi nhuận cho chính quốc.

5.1.3. Kinh tế truyền thống chuyển dịch mạnh theo hướng hiện đại

Kinh tế thuộc địa là sự tương tác giữa ngoại lực thực dân và nội lực bản xứ, tạo hình thái "nhập nhằng" giữa tiền tư bản và tư bản chủ nghĩa. Tại Vĩnh Yên, mô hình tự cung tự cấp nhường chỗ cho kinh tế hàng hóa. Cư dân thích ứng qua kỹ thuật mới; làng xã đóng vai trò "màng lọc" kháng cự thuế khóa. Trí thức bản xứ dùng chính phương thức tư bản để đấu tranh dân tộc. Sự bùng nổ xuất khẩu lúa gạo, cao su đưa Việt Nam hội nhập quốc tế, chấm dứt kỷ nguyên bế quan tỏa cảng.

5.1.4. Nền kinh tế bị phá vỡ và phát triển theo hướng phụ trợ

Thông qua công cụ thuế khóa và chiếm đoạt tư liệu sản xuất, thực dân Pháp cưỡng bức kinh tế Vĩnh Yên chuyển dịch sang hình thái thuộc địa lệ thuộc. Cấu trúc truyền thống tan rã, thay thế bằng mô hình sản xuất hàng hóa xuất khẩu và bóc lột lao động. Dù manh nha hiện đại hóa qua hạ tầng kỹ thuật và dịch vụ nghỉ dưỡng Tam Đảo, Vĩnh Yên vẫn chỉ đóng vai trò vệ tinh phụ trợ cho Hà Nội, thiếu thực lực công nghiệp tự thân so với các trung tâm khác. Về bản chất, đây là một nền kinh tế phát triển khập khiễng, ưu tiên lợi ích chính quốc và làm đứt gãy các giá trị kỹ thuật bản địa.

5.1.5. Quá trình hiện đại hóa nền kinh tế còn chậm và có nhiều hạn chế

Hiện đại hóa tại Vĩnh Yên mang tính chọn lọc, cục bộ nhằm phục vụ tối đa lợi ích thực dân. Trong khi hạ tầng và khu nghỉ dưỡng Tam Đảo được đầu tư theo mô hình phương Tây, công cụ lao động của người dân vẫn thô sơ, thiếu vắng cơ giới hóa. Pháp chủ trương kìm hãm công nghiệp hóa để tránh cạnh tranh, chỉ tập trung vơ vét nguyên liệu. Đến năm 1945, kinh tế Vĩnh Yên vẫn lạc hậu, phân hóa xã hội sâu sắc và bảo lưu phương thức sản xuất cũ, minh chứng cho một nền kinh tế thuộc địa lệ thuộc và khập khiễng.

5.2. Tác động của chuyển biến kinh tế đối với văn hóa và xã hội Vĩnh Yên

5.2.1. Biến đổi và phân hóa xã hội

Thành phần tộc người ở Vĩnh Yên cuối thập niên 1930 đã chia thành hai bộ phận lớn gồm các tộc người bản địa và tộc người ngoại quốc. Trong đó, người châu Âu chủ yếu là các quan chức người Pháp làm việc trong các công sở, một số người khác làm việc tại các đồn điền; người Tàu đa phần làm trong các đồn điền ở gần núi Tam Đảo hoặc buôn bán tại tỉnh lỵ, huyện lỵ.

Trong mỗi tầng lớp luôn ẩn chứa sự phản kháng, tìm cách lật đổ ách thống trị của chính quyền Pháp khi thời cơ đến. Các phong trào đấu tranh tiêu biểu như: ủng hộ cuộc khởi nghĩa

của Hoàng Hoa Thám; các phong trào đấu tranh chính trị, kinh tế của sôi nổi giai đoạn 1936-1939 và bùng lên mạnh vào giai đoạn 1940-1941. Thực hiện lệnh Tổng khởi nghĩa của Trung ương Đảng, ngày 22/8/1945, Tỉnh ủy Vĩnh Yên đã họp, thông qua kế hoạch khởi nghĩa giành chính quyền. Hội nghị quyết định chọn ngày 25/8/1945 để giành chính quyền ở Vĩnh Yên.

Từ khi ra đời (năm 1913) đến năm 1926, thành phố Vĩnh Yên, trung tâm đô thị Vĩnh Yên đã từng bước được định hình, tổ chức, quản lý và hoạt động theo đúng nghĩa đô thị. Những quy định và chính sách quản lý của chính quyền Pháp cho thấy tính chất văn minh của thành phố, đô thị Vĩnh Yên. Vì nhiều lý do (chính trị, kinh tế) người Pháp đã nhiều lần bổ sung, thay đổi địa vị của Vĩnh Yên, để đến năm 1926, nơi đây được xác lập là trung tâm đô thị với một diện tích rộng lớn chưa từng có trước đó.

5.2.2. Những chuyển biến trong văn hóa và giáo dục

Người Pháp trong quá trình cai trị đã giới thiệu nhiều sản phẩm tiêu dùng mới (ô dù, đèn dầu, xe đạp, rượu, đồ hộp, v.v.) và các hình thức giải trí (điện ảnh, thể thao, v.v.) vào Việt Nam và Vĩnh Yên, làm thay đổi thói quen sinh hoạt hàng ngày. Trong đời sống xã hội Vĩnh Yên có sự tồn tại song hành của lối sống và nền kinh tế mang đặc trưng truyền thống và sự xuất hiện những yếu tố mới, hiện đại của châu Âu, nhất là văn hóa Pháp.

Tại Vĩnh Yên, đã xuất hiện các làng theo Công giáo, các giáo xứ được thành lập, các nhà thờ Công giáo đồng thời được xây dựng làm đa dạng hóa đời sống tinh thần.

Nền giáo dục truyền thống Việt Nam từng bước bị cạnh tranh và thay thế bằng một nền giáo dục hiện đại. Trên danh nghĩa giáo dục Nho học bị loại bỏ, trong các làng xã của Vĩnh Yên vẫn còn những lớp học dạy chữ cho học sinh theo lối truyền thống tồn tại song song với hệ thống trường Tây học.

Tiểu kết chương 5

Dưới tác động từ cuộc khai thác thuộc địa của thực dân Pháp, cấu trúc kinh tế Vĩnh Yên đã có những khởi sắc với ba kết quả chính gồm: phát huy các ngành có thế mạnh của địa phương; công cụ sản xuất được hiện đại hóa; và kinh tế truyền thống chuyển dịch theo hướng hiện. Bên cạnh những “điểm sáng”, bức tranh kinh tế Vĩnh Yên thời kỳ này cũng tồn tại một số “mặt tối” như: nền kinh tế truyền thống bị phá vỡ theo phương thức cưỡng bức; quá trình hiện đại hóa nền kinh tế còn hạn chế; và nền kinh tế phát triển theo hướng phụ trợ.

Quá trình đô thị hóa dần xâm nhập vào khu vực tỉnh lỵ Vĩnh Yên góp phần quan trọng hình thành nên một lối sống mới. Đời sống văn hóa - xã hội ở tỉnh Vĩnh Yên cũng có sự biến đổi. Sự ra đời của các giai tầng mới nảy sinh cùng sự phát triển của kinh tế xã hội, các giai cấp cũ bị phân hóa rõ rệt. Mâu thuẫn dân tộc, mâu thuẫn giai cấp ngày càng sâu sắc đến mức không thể điều hòa được dẫn tới các phong trào đấu tranh chống Pháp, đỉnh cao là Cách mạng tháng Tám năm 1945.

KẾT LUẬN

Chuyển biến kinh tế là vấn đề khoa học có sức hấp dẫn lớn nhưng cũng phức tạp. Thông qua nghiên cứu trường hợp tỉnh Vĩnh Yên từ năm 1890 đến năm 1945, tác giả luận án rút ra một số kết luận như sau:

1. Chuyển biến kinh tế tỉnh Vĩnh Yên thời Pháp thuộc không đơn thuần là hệ quả áp đặt đơn phương từ chính sách khai thác thuộc địa, mà là kết quả của một quá trình tương tác đa chiều, phức tạp giữa xung lực ngoại sinh và năng lực nội sinh. Nếu các chính sách của chính quyền thực dân đóng vai trò là tác nhân phá vỡ cấu trúc truyền thống, cưỡng bức địa phương hội nhập vào quỹ đạo tư bản thế giới, thì sự thích ứng linh hoạt và tinh thần phản kháng của cộng đồng bản xứ lại đóng vai trò là màng lọc điều chỉnh, định hình nên một hình thái kinh tế thuộc địa lai tạp đặc trưng.

Nghiên cứu trường hợp Vĩnh Yên mang lại giá trị lý luận quan trọng trong việc nhận diện mô hình kinh tế Bắc Kỳ nói riêng và Việt Nam nói chung giai đoạn cận đại. Với đặc thù của một địa bàn chuyển tiếp, hội tụ cả sắc thái của miền núi, trung du và đồng bằng, Vĩnh Yên trở thành một lát cắt điển hình phản ánh sự va chạm quyết liệt giữa phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa và các cấu trúc tiền tư bản. Quá trình này không chỉ tạo ra sự phân hóa xã hội sâu sắc và một nền công - nông nghiệp phát triển lệch lạc, mà còn làm nảy sinh những quy luật kinh tế nằm ngoài ý muốn chủ quan của nhà cầm quyền, như sự hình thành thị trường dịch vụ tự phát hay sự cộng sinh giữa các phương thức sản xuất đối lập.

Về mặt thực tiễn, việc phân tích chuyển biến kinh tế Vĩnh Yên thời kỳ này cung cấp những cứ liệu khoa học về vai trò của liên kết vùng và khả năng tự chủ của nội lực dân tộc trước áp lực toàn cầu hóa cưỡng bức. Những bài học về sự biến đổi cấu trúc, quy hoạch hạ tầng và chiến lược thích ứng của cư dân bản địa vẫn còn nguyên giá trị tham chiếu cho việc định hướng phát triển bền vững tại các vùng cửa ngõ kinh tế trọng điểm của thủ đô Hà Nội trong bối cảnh hiện nay.

2. Giai đoạn 1890-1945 định hình nền kinh tế Vĩnh Yên, quy mô, tốc độ tăng trưởng và kết cấu ngành bị chi phối sâu sắc bởi tính chất thuộc địa, tạo ra một sự chuyển biến mang tính bước ngoặt nhưng thiếu cân đối và lệ thuộc.

Kết cấu kinh tế Vĩnh Yên thời kỳ này bao gồm bộ phận truyền thống (nông nghiệp, thủ công nghiệp và thương nghiệp) và bộ phận kinh tế mới (đèn điện, công nghiệp, tài chính ngân hàng, giao thông vận tải v.v.). Tuy nhiên, hai bộ phận này không tồn tại độc lập mà có sự đan cài vào nhau, tạo nên một nền kinh tế thuộc địa với đặc trưng quan trọng là phát triển dựa trên nhu cầu của “mẫu quốc”. Nhiều nghề truyền thống của Vĩnh Yên đã bị triệt tiêu (dệt, nấu rượu, v.v.) nhằm hạn chế tối đa khả năng cạnh tranh trực tiếp với các mặt hàng của Pháp, mặt khác, nhiều lĩnh vực lại có điều kiện để phát triển (đan lát, sản xuất công cụ lao động, v.v.). Cùng với đó, một số ngành mới cũng từng bước xuất hiện ở Vĩnh Yên, có tác động đáng kể tới diện mạo kinh tế tỉnh.

Sự xâm nhập mạnh mẽ của chủ nghĩa tư bản phương Tây đã đưa nền kinh tế Việt Nam nói chung, Vĩnh Yên nói riêng chuyển từ nền kinh tế tự cung tự cấp sang nền kinh tế hàng hóa. Các hoạt động và sản phẩm kinh tế của địa phương không chỉ nhằm mục đích đảm bảo cho nhu cầu sống của chủ thể sản xuất mà đã phát triển theo định hướng thương mại hóa,

phục vụ nhu cầu thị trường và tạo ra lợi nhuận. Điều này được coi như “một luồng gió mới” thổi vào các sản phẩm truyền thống, từng bước khẳng định giá trị và thương hiệu các sản phẩm của tỉnh Vĩnh Yên trên thị trường. Sản lượng và giá trị nông sản tiêu thụ trong nước và xuất khẩu từ tỉnh tới các địa phương trong và ngoài nước vào những năm 1930 gia tăng mạnh mẽ là minh chứng rõ nét của sự chuyển dịch này.

Về tính chất, mặc dù cơ cấu ngành kinh tế Vĩnh Yên thời kỳ cận đại có sự chuyển biến nhưng nhìn chung, tới năm 1945, sự phát triển của kinh tế tỉnh vẫn dựa trên một nền nông nghiệp lạc hậu mà trọng tâm là hoạt động trồng trọt, lĩnh vực chăn nuôi và thủy sản có giá trị và đóng góp không đáng kể trong bức tranh kinh tế. Ngành công nghiệp gần như vắng bóng, còn dịch vụ có điều kiện phát triển nhưng không nhằm phục vụ người dân Vĩnh Yên. Đây cũng là đặc điểm chung của bức tranh kinh tế Việt Nam thời cận đại: một nền kinh tế mất cân đối và “què quặt”, dành đa số sự quan tâm đầu tư vào các ngành công nghiệp khai khoáng và nông nghiệp trồng trọt nhằm vơ vét tài nguyên và nguyên liệu thô về chính quốc. Hệ thống hạ tầng kỹ thuật được thiết lập nhằm mục tiêu tối ưu hóa thời gian vận chuyển các nguyên liệu, đáp ứng nhu cầu của tư bản thực dân và dễ dàng đàn áp các cuộc nổi dậy của người dân bản xứ. Đồng thời, mặc dù phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa đã từng bước được du nhập nhưng phương thức sản xuất truyền thống vẫn được duy trì nhằm mục tiêu tận thu từ thuộc địa, bóc lột tối đa giai cấp vô sản.

Về quy mô, chuyển biến kinh tế ở Vĩnh Yên thời kỳ cận đại còn mang tính cục bộ, diễn ra chủ yếu ở khu vực tỉnh lỵ, huyện lỵ, khu vực có điều kiện phát triển kinh tế và những nơi có người phương Tây sinh sống mà không diễn ra rộng khắp toàn tỉnh. Ở các khu vực nông thôn, miền núi - nơi tập trung đông đảo nông dân vẫn bảo lưu gần như nguyên vẹn các đặc điểm của phương thức sản xuất truyền thống, hệ thống hạ tầng kỹ thuật hiện đại cũng chưa “vươn tới”. Thực tế này cũng là minh chứng quan trọng phản ánh sự mất cân đối trong nền kinh tế Việt Nam thời Pháp thuộc, trong đó, các khoản đầu tư tập trung chủ yếu ở vùng trung tâm hành chính và các nơi kinh tế phát triển.

Về tốc độ chuyển biến, dưới tác động của công cuộc khai thác thuộc địa, nền kinh tế Vĩnh Yên đã có sự chuyển dịch theo hướng hiện đại hóa với sự xuất hiện của các ngành kinh tế phi nông nghiệp, phi truyền thống, có áp dụng thành tựu khoa học kỹ thuật trong đời sống kinh tế tỉnh. Tuy nhiên, chính sự mất cân đối trong chính sách đầu tư gây ra sự phát triển “què quặt” của nền kinh tế, là nguyên nhân khiến kinh tế Vĩnh Yên tới giữa thế kỷ XX vẫn là nền nông nghiệp lạc hậu, cấu trúc kinh tế chưa có sự chuyển dịch rõ nét, bảo lưu gần như nguyên vẹn bức tranh kinh tế thời kỳ tiền thuộc địa, trong đó đặc trưng quan trọng nhất vẫn là kinh tế nông nghiệp đóng vai trò chủ đạo trong toàn bộ nền kinh tế của tỉnh.

3. Những chuyển biến của kinh tế Vĩnh Yên vừa mang đặc điểm chung của tình hình kinh tế Việt Nam, vừa có những nét đặc trưng riêng phản ánh rõ tác động của điều kiện tự nhiên và dân cư địa phương đến bức tranh kinh tế. Đặc điểm riêng, nổi bật hơn cả của Vĩnh Yên thời kỳ cận đại là việc chính quyền tập trung vào thế mạnh của địa phương để đẩy mạnh khai thác các nguồn lợi phục vụ cho công cuộc cai trị, như đầu tư hệ thống dẫn thủy nhập điền trong nông nghiệp và đầu tư dịch vụ nghỉ dưỡng ở Tam Đảo. Từ đó tạo ra những chuyển biến căn bản cho nền kinh tế theo hướng hiện đại, bên cạnh các ngành kinh tế truyền thống có nhiều biến đổi. Đây là minh chứng quan trọng cho thấy kinh tế Vĩnh Yên không

phải là một thực thể độc lập mà là một thành tố trong hệ thống kinh tế Bắc Kỳ, kinh tế Việt Nam thời thuộc địa, và kinh tế Việt Nam cũng là một tiểu hệ thống trong hệ thống thuộc địa của thực dân Pháp. Tất cả những thành tố hay hệ thống này có mối liên hệ tương tác chặt chẽ với nhau theo cả hai chiều thuận và nghịch. Chiều kích của những biến đổi trong bức tranh kinh tế thuộc địa này bao gồm hai khía cạnh lớn là: điều kiện tự nhiên của vùng và chính sách khai thác của chính quyền thực dân. Và, những chính sách này chịu ảnh hưởng sâu sắc của tình hình thế giới, mối quan hệ giữa các quốc gia, sự cạnh tranh về vị thế trên trường quốc tế.

Cùng với những chuyển biến về mặt kinh tế, xã hội Vĩnh Yên cũng dần có những thay đổi. Trước hết là sự biến đổi về thành phần xã hội với sự xuất hiện của các giai tầng mới dưới tác động của lan tỏa các thành phần kinh tế kinh tế tư bản chủ nghĩa; cùng với đó là sự phân hóa trong các giai tầng của xã hội phong kiến. Sự mất cân đối về trình độ phát triển, quyền được sống, quyền tự do và quyền mưu cầu hạnh phúc là nguyên nhân quan trọng khiến mâu thuẫn trong xã hội ngày càng sâu sắc: mâu thuẫn giữa thực dân Pháp với toàn thể nhân dân Việt Nam, giữa giai cấp thống trị và bị trị, giữa bộ phận tư sản và vô sản. Đây là nguồn gốc chủ yếu dẫn tới sự bùng nổ các phong trào đấu tranh chống lại chế độ thực dân, chế độ quân chủ từng bước lan rộng khắp Việt Nam, trong đó có Vĩnh Yên.

Song song với những biến đổi về thành phần xã hội, diện mạo của một số khu vực trung tâm ở Vĩnh Yên cũng dần phát triển theo hướng đô thị hóa. Tại những khu vực này, quá trình tiếp biến văn hóa Tây - Đông được thể hiện một cách rõ nét thông qua những khía cạnh văn hóa vật chất và văn hóa tinh thần. Tuy nhiên, tương tự như những thay đổi trên khía cạnh kinh tế, những biến đổi kể trên cũng diễn ra chủ yếu ở khu vực tỉnh lỵ, huyện lỵ - nơi có đông đảo người Pháp sinh sống hoặc chỉ xuất hiện trong những gia đình thượng lưu người Việt thuộc giai cấp thống trị. Đời sống của đại đa số nhân dân dường như vẫn còn xa rời với văn minh phương Tây - thứ mà người Pháp vẫn rao giảng phải khai hóa cho người bản địa.

4. Luận án rút ra một số bài học kinh nghiệm trong công tác phát triển kinh tế cho các đơn vị hành chính của địa phương hiện nay nói riêng (từ tháng 7/2025 là một phần của tỉnh Phú Thọ) và các địa phương khác ở Việt Nam nói chung:

Thứ nhất, cần đầu tư vào các ngành, lĩnh vực là thế mạnh của địa phương: Những chính sách đầu tư trong các ngành, các lĩnh vực kinh tế có ý nghĩa quyết định đường hướng phát triển của diện mạo kinh tế địa phương. Việc đánh giá đúng thế mạnh vốn có của Vĩnh Yên và tận dụng tối đa những thành tựu kinh tế từ trong lịch sử, trở thành “đòn bẩy” cho sự phát triển kinh tế, tạo dựng bản sắc và thế mạnh riêng của tỉnh. Nông nghiệp và du lịch từng là hai ngành giành được nhiều sự quan tâm, đầu tư trong phát triển kinh tế của Vĩnh Yên thời Pháp thuộc. Hiện nay, bên cạnh việc đầu tư vào phát triển công nghiệp hiện đại (công nghiệp ô tô, xe máy; công nghiệp điện tử, viễn thông) và đưa du lịch (du lịch nghỉ dưỡng ở khu vực Tam Đảo, du lịch tâm linh ở Tây Thiên, v.v.) trở thành ngành kinh tế mũi nhọn, Vĩnh Phúc (nay là Phú Thọ) còn cần đẩy mạnh kinh tế số và tiếp tục cho sản xuất nông nghiệp công nghệ cao.

Thứ hai, cần có tầm nhìn chiến lược trong quy hoạch phát triển kinh tế địa phương: Tầm nhìn chiến lược và tư duy của bộ phận quy hoạch chính sách có ý nghĩa sống còn đối

với trình độ phát triển của địa phương nói chung, chất lượng đời sống nhân dân nói riêng. Trong lịch sử, thực dân Pháp cai trị Vĩnh Yên chỉ tập trung đầu tư vào các thế mạnh vốn có của vùng và với tiêu chí tối ưu hóa chi phí, tối đa hóa lợi nhuận mà chưa quan tâm đúng mức tới việc khai phá các tiềm năng kinh tế khác dựa trên những đặc điểm về điều kiện tự nhiên và dân cư của vùng. Bài học cho các nhà hoạch định chính sách hiện nay là cần đánh giá đúng những thế mạnh của địa phương nhằm xác định phương hướng chiến lược trong công cuộc phát triển đời sống kinh tế - xã hội, phù hợp với đường lối chung của quốc gia và xu thế toàn cầu.

Thứ ba, cần quan tâm đầu tư tương xứng để chuyển biến trong kinh tế song hành với chuyển biến trong đời sống nhân dân: Đây là vấn đề chưa được thực dân Pháp quan tâm trong quá trình cai trị Vĩnh Yên. Các chính sách đầu tư, khai thác đều chỉ nhằm mục đích thu về lợi nhuận về kinh tế, và đặt Vĩnh Yên dưới sự cai trị lâu dài. Đối tượng thụ hưởng các tiến bộ trong chính sách trên được xác định là người châu Âu (trong đó chủ yếu là người Pháp) và một bộ phận trong giới thượng lưu người Việt. Sự bất bình đẳng trong xã hội là nguyên nhân của những mâu thuẫn dân tộc, mâu thuẫn giai cấp. Vấn đề hiện nay đặt ra cho địa phương là phát triển kinh tế cần đi đôi với nâng cao đời sống xã hội cho người dân, rút ngắn khoảng cách giàu nghèo và chênh lệch phát triển giữa các xã, phường.

Thứ tư, cần nhìn nhận Vĩnh Yên là một thành tố cấu thành và không thể tách rời trong hệ thống kinh tế khu vực, quốc gia và quốc tế. Kinh nghiệm lịch sử cho thấy, vị thế kinh tế của Vĩnh Yên vốn được xác lập dựa trên khả năng tương tác liên vùng và xuyên biên giới. Thông qua các hệ thống giao thông, mạng lưới nội thương và ngoại thương với Bắc Kỳ và các cường quốc phương Tây, Vĩnh Yên đã sớm tham gia vào quá trình phân công lao động quốc tế thời bấy giờ. Bài học về sự phát triển nhờ kết nối là kim chỉ nam cho giai đoạn hiện nay. Vĩnh Yên phải đặt mình trong dòng chảy hội nhập, chuyển dịch từ quản trị địa phương sang tư duy quản trị vùng. Việc xây dựng các chính sách đứng ngoài xu thế chung không chỉ gây lãng phí nguồn lực mà còn tự tước đi cơ hội cộng hưởng sức mạnh từ các liên kết kinh tế hiện đại.

Thứ năm, phát triển kinh tế xanh: Xét ở một số khía cạnh cụ thể, trong chính sách đầu tư, quy hoạch Vĩnh Yên thời cận đại, thực dân Pháp đã quan tâm tới tác động của việc xây dựng cơ sở hạ tầng tới môi trường. Hiện nay, đây là những vấn đề nan giải cần quan tâm giải quyết ở Vĩnh Yên, nhất là khi quá trình công nghiệp hóa được đẩy mạnh (vấn đề môi trường), du lịch mở rộng (khu nghỉ dưỡng Tam Đảo đang bị quá tải), v.v.. Vĩnh Yên cần tập trung phát triển các khu công nghiệp theo mô hình sinh thái, thông minh; đẩy mạnh ứng dụng khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo trong sản xuất. Bên cạnh đó, địa phương cũng cần tái cơ cấu ngành nông nghiệp theo hướng sản xuất hàng hoá tập trung, ứng dụng công nghệ cao, nông nghiệp hữu cơ để nâng cao giá trị và phát triển bền vững.

Tỉnh Vĩnh Yên ngày nay là một bộ phận thuộc tỉnh Phú Thọ - tỉnh có quy mô kinh tế đứng thứ 6/34 tỉnh, thành phố trên toàn Việt Nam. Những bài học kinh nghiệm từ quá trình chuyển biến trong kinh tế trong giai đoạn 1890-1945 là gợi ý cho các nhà quản lý của tỉnh, các địa phương lân cận trong hoạch định chính sách và thi hành các giải pháp tích cực, cân bằng trong công cuộc xây dựng nền kinh tế theo định hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa, bắt kịp với xu thế quốc tế trong thời đại mới.